



**BỘ XÂY DỰNG  
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

**THÔNG TIN**

**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

**10**

Tháng 5 - 2011

# **BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG NGUYỄN HỒNG QUÂN ĐẾN THĂM VÀ LÀM VIỆC TẠI VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2011



Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân chủ trì buổi làm việc với Viện VLXD



Viện trưởng Viện VLXD Lương Đức Long báo cáo Bộ trưởng về hoạt động của Viện

# THÔNG TIN XÂY DỰNG CƠ BẢN & KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG  
**MỖI THÁNG 2 KỶ**

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH  
**NĂM THỨ MƯỜI HAI**

**10**

**SỐ 10 - 5/2011**

## MỤC LỤC

### Văn bản quản lý

#### Văn bản các cơ quan TW

- Nghị định số 30/2011/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và bảo vệ hành lang an toàn kỹ thuật của hệ thống anten quân sự. 5
- Quyết định số 638/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phương hướng, nhiệm vụ và kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2015, định hướng đến năm 2020. 6
- Chỉ thị số 734/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh công tác quản lý đối với gói thầu EPC 7

#### Văn bản của địa phương

- Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh Điện Biên về việc sửa đổi, bổ sung khoản 5, Điều 8 và thay thế Điều 13 Quyết định số 06/2007/QĐ-UBND của UBND tỉnh Điện Biên ban hành Quy định cụ thể hóa một số điều về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ áp dụng trên địa bàn tỉnh Điện Biên 9
- Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh Gia Lai ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai 11
- Quyết định số 15/2011/QĐ - UBND của UBND tỉnh Lào Cai về qui chế quản lý và sử dụng quỹ phát triển đất của tỉnh Lào Cai 13
- Quyết định số 28/2011/QĐ - UBND của UBND thành phố Hồ Chí Minh về Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại TP. Hồ Chí Minh 14



**TRUNG TÂM THÔNG TIN**

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc\_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

## CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

### Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN (Phó ban)

KS.HUYỀN PHƯỚC

CN.ĐÀO THỊ MINH TÂM

CN.BÙI THỊ QUỲNH ANH

CN.HOÀNG ĐẠI HẢI

CN.NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

## Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài:
  - + Dự thảo tiêu chuẩn quốc gia "Xi măng - phương pháp xác định độ co khô của vữa" 17
  - + Dự thảo tiêu chuẩn quốc gia "Xi măng - phương pháp xác định gần đúng hàm lượng  $SO_3$  tối ưu thông qua cường độ nén" 18
- Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh là đô thị loại IV 19
- Hội thảo quốc tế "Công nghệ sản xuất vôi công nghiệp. Giải pháp tiết kiệm năng lượng và chi phí trong sản xuất xi măng" 21
- Hội thảo: "Nhiên liệu thay thế trong ngành công nghiệp xi măng" 22
- Hội nghị thẩm định Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh 23
- Hội thảo chuyên đề về hệ thống đỗ xe ô tô tự động 25
- So sánh hiệu quả của một số vật liệu xây tường phổ biến hiện nay ở LB Nga 27

## Thông tin

- Công ty cổ phần Licogi 18 kỷ niệm 50 năm ngày thành lập và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhất lần thứ 2 33
- Bàn về việc chứng nhận và quản lý sản phẩm công trình xây dựng 35
- Các loại hình chủ yếu của tranh chấp giá thành và biện pháp ứng phó 43
- Ô phố bảo tàng ở thành phố Viên 46



## VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

### **Nghị định số 30/2011/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và bảo vệ hành lang an toàn kỹ thuật của hệ thống anten quân sự**

Ngày 6/5/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 30/2011/NĐ-CP về quản lý và bảo vệ hành lang an toàn kỹ thuật của hệ thống anten quân sự. Nghị định quy định về hành lang an toàn kỹ thuật, quản lý và bảo vệ hành lang an toàn kỹ thuật hệ thống anten quân sự của các đơn vị cấp chiến lược, chiến dịch Quân đội nhân dân Việt Nam.

Theo Nghị định này, hành lang an toàn kỹ thuật của hệ thống anten quân sự phụ thuộc tính năng kỹ thuật của anten, cụ thể: Đối với hệ thống anten thông tin liên lạc, hành lang an toàn kỹ thuật là 2.000m, được tính từ mép ngoài bãi anten quân sự; hành lang an toàn kỹ thuật của hệ thống anten trinh sát (anten định hướng, anten thu sóng ngắn và anten thu vệ tinh) là 3.000m; hành lang an toàn kỹ thuật của hệ thống anten ra đa và anten tác chiến điện tử là 5.000m.

Nghị định quy định, tất cả các hệ thống anten quân sự phải được xác định hành lang an toàn kỹ thuật đảm bảo yêu cầu tính năng hoạt động bình thường của hệ thống anten, ngăn chặn được các yếu tố xâm hại, gây mất an toàn kỹ thuật cho hệ thống anten.

Mép ngoài bãi anten quân sự phải được xác định trên thực địa bằng cột mốc, biển báo. Hành lang an toàn kỹ thuật của hệ thống anten quân sự phải được xác định trên bản đồ địa chính khu vực, bằng văn bản giữa UBND quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh với đơn vị quản lý hệ thống anten. Các hệ thống anten quân sự phải có hồ sơ quản lý hành lang an toàn kỹ thuật.

Mọi tổ chức, cá nhân khi quy hoạch, xây dựng công trình liên quan đến phạm vi hành lang an toàn kỹ thuật của hệ thống anten quân sự phải chấp hành các quy định về quản lý hành lang an toàn kỹ thuật của hệ thống anten quân sự và có ý kiến bằng văn bản của Bộ Quốc phòng trước khi phê duyệt, xây dựng công trình.

Nghiêm cấm xây dựng nhà ở, các công trình kinh tế dân sinh vi phạm hành lang an toàn kỹ thuật của hệ thống anten quân sự. Trong phạm vi 500 m tính từ mép ngoài bãi anten quân sự, nghiêm cứu các hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên khoáng sản, săn bắn, nổ mìn, tham quan du lịch, quay phim, chụp ảnh, các hoạt động tập thể (trừ hoạt động phòng chống cháy nổ, cứu hộ, cứu nạn).

Trong hành lang an toàn kỹ thuật của hệ thống anten quân sự được phép xây dựng công trình chống sét, phòng chống cháy, nổ, đảm bảo cho hoạt động của hệ thống anten quân sự theo yêu cầu kỹ thuật; canh tác nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; xây dựng các công trình thủy nông quy mô vừa và nhỏ, đê kè phòng chống lụt bão không vi phạm khoảng cách tối thiểu của các chướng ngại vật nằm trong hành lang an toàn kỹ thuật của hệ thống anten quân sự quy định tại Nghị định này. Việc sử dụng hành lang an toàn kỹ thuật của hệ thống anten quân sự vào mục đích khác phải được phép của Thủ tướng Chính phủ.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 20/6/2011.

(Xem toàn văn tại: [www.vietnam.gov.vn](http://www.vietnam.gov.vn))



## **Quyết định số 638/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phương hướng, nhiệm vụ và kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2015, định hướng đến năm 2020**

Ngày 28/4/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 638/QĐ-TTg phê duyệt phương hướng, nhiệm vụ và kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.

Theo đó, đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông vận tải của vùng đồng bằng sông Cửu Long phải đi trước một bước, trên cơ sở làm tốt công tác quy hoạch, hình thành được một hệ thống giao thông đồng bộ, liên hoàn và kết hợp được các hình thức vận tải, đáp ứng yêu cầu và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội của cả vùng, hội nhập mạnh hơn với cả nước, khu vực và quốc tế; kết hợp chặt chẽ đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông với thủy lợi, kiểm soát lũ và xây dựng cụm, tuyến dân cư vùng ngập lũ; huy động mọi nguồn lực từ ngân sách nhà nước, các nguồn vốn trong dân và các nguồn vốn hợp pháp khác trong nước và ngoài nước để đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông của vùng; các địa phương chủ động đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông vận tải theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, chủ động bố trí quỹ đất để xây dựng các khu tái định cư, kiện toàn tổ chức các đơn vị tham gia công tác giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các dự án; Để thích ứng và đối phó với biến đổi khí hậu toàn cầu mà trực tiếp là nước biển dâng, các Bộ, ngành và các địa phương theo chức năng, nhiệm vụ từng bước đầu tư hệ thống đường ven biển đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 18/01/2010 trong đó có xem xét lồng ghép kết hợp đường ven biển và đê biển.

Mục tiêu đến năm 2020, về đường bộ, hoàn thành 05 tuyến trục dọc chính gồm quốc lộ 1A, tuyến N1, tuyến N2, tuyến ven biển (quốc lộ 50, quốc lộ 60) và tuyến đường bộ cao tốc Tp. Hồ Chí Minh - Cần Thơ; hoàn thành nâng cấp các tuyến trục ngang gồm các quốc lộ 30, 53, 54, 61, 62, 63, 90, 91 đạt tiêu chuẩn cấp III, quy mô 2 làn xe, riêng tuyến N1 đạt tiêu chuẩn cấp IV quy mô 2 làn xe; hoàn thành xây dựng các cầu lớn gồm: cầu Vàm Cống, cầu Cao Lãnh, cầu Cổ Chiên, cầu Năm Căn và từng bước nâng cấp các cầu yếu trên các tuyến quốc lộ; có 100% đường đến trung tâm xã, cụm xã, tỷ lệ cứng hóa mặt đường đạt 100%, xóa bỏ cầu khỉ.

Về đường thủy nội địa, tiếp tục nâng cấp các tuyến vận tải thủy hiện có đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật, đẩy mạnh vận tải đa phương thức trong đó khai thác triệt để thế mạnh vận tải thủy.

Về đường biển, đầu tư xây dựng cảng cho tàu biển lớn khu vực đồng bằng sông Cửu Long, nâng cấp hệ thống cảng và luồng tàu một cách đồng bộ, đáp ứng nhu cầu vận tải của vùng.

Về đường hàng không, tiếp tục đầu tư nâng cấp để nâng cao năng lực và chất lượng phục vụ, đáp ứng nhu cầu tăng trưởng hành khách, đưa cảng hàng không Phú Quốc mới vào khai thác sử dụng, nâng cấp và kéo dài đường băng sân bay Cà Mau.

Về đường sắt, nghiên cứu và tìm kiếm nguồn vốn đầu tư xây dựng tuyến đường sắt thành phố Hồ Chí Minh đi Mỹ Tho, Cần Thơ vào thời điểm thích hợp.

Trong giai đoạn 2011-2015, hoàn thành đầu tư xây dựng và cải tạo nâng cấp các dự án: quốc lộ 91 đoạn Châu Đốc - Tịnh Biên, tuyến

N1 đoạn Bình Hiệp - Mỏ Vẹt trên địa phận tỉnh Long An và toàn bộ dự án tuyến N1 Đức Huệ - Châu Đốc; quốc lộ 50 đoạn Mỹ Lợi - Gò Công, Gò Công - Mỹ Tho và cầu Mỹ Lợi; các dự án thành phần thuộc dự án đường Nam Sông Hậu; nâng cấp quốc lộ 61 đoạn Cái Tư- Gò Quao; nâng cấp quốc lộ 63 đoạn qua tỉnh Cà Mau và Kiên Giang; quốc lộ 53, quốc lộ 54 và quốc lộ 91 đoạn Cái Sắn - Long Xuyên; quốc lộ 53 từ Km67 - Km114 và Km 139 - Km168; quốc lộ 30 đoạn Cao Lãnh - Hồng Ngự; quốc lộ 57 đoạn Cầu Ván - Khâu Bàng; đường Hồ Chí Minh đoạn Năm Căn - Đất Mũi và cầu Đầm Cù.

Hoàn thành tuyến đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận (BOT) và hoàn thiện dự án đoạn Mỹ Thuận - Cần Thơ để kêu gọi nguồn vốn đầu tư; hoàn thành dự án đường Hành lang ven biển phía Nam (từ cửa khẩu Xà Xà đến Cà Mau) bằng nguồn vốn vay ADB và EDCF; đầu tư xây dựng cầu Cao Lãnh, cầu Vàm Cống và tuyến tránh Long Xuyên bằng nguồn vốn vay của AUSAID, ADB, EDCF và với đối ứng từ ngân sách nhà nước.

Về đường thủy nội địa, đầu tư xây dựng tuyến vận tải thủy Cà Mau - Năm Căn, tuyến Kiên Lương - Hà Tiên, tuyến Bạc Liêu - Cà Mau (giai đoạn I) và 06 bến xếp dỡ; hoàn thành dự án nâng cấp tuyến kênh Chợ Gạo; dự án phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long bằng nguồn vốn WB5.

## **Chỉ thị số 734/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh công tác quản lý đối với gói thầu EPC**

Ngày 17/5/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 734/CT-TTg về chấn chỉnh công tác quản lý đối với gói thầu EPC.

Chỉ thị nêu rõ, trong những năm qua, việc áp dụng cơ chế đấu thầu, trong đó có đấu thầu các gói thầu thuộc các dự án sử dụng vốn nhà nước theo hình thức gói thầu EPC đã góp phần đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng, rút ngắn thời gian thực hiện, tăng cường tính thống nhất,

Về đường biển, hoàn thành đầu tư dự án luồng Kênh Quan Chánh Bố, nâng cấp luồng sông Cửa Lớn, nghiên cứu đầu tư xây dựng cảng biển có thể tiếp nhận các tàu có trọng tải 30.000 - 50.000 DDWWT cho khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Về đường hàng không, sớm hoàn thành cảng hàng không Phú Quốc để đưa vào khai thác, đảm bảo tiếp nhận các loại máy bay B777, B747.

Tại Quyết định này, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Giao thông vận tải triển khai phương hướng nhiệm vụ và kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 và tổ chức thực hiện đối với các dự án do Trung ương quản lý; chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn rà soát lại hệ thống đê sông, đê biển, tuyến đường giao thông ven biển với mục tiêu tận dụng tối đa khả năng tuyến đê kết hợp làm đường giao thông, cầu quan sồng kết hợp cống ngăn nước, đặc biệt là việc kết hợp giữa tuyến đường giao thông ven biển với hệ thống đê biển.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: [www.vietnam.gov.vn](http://www.vietnam.gov.vn))

đồng bộ và nâng cao hiệu quả quản lý. Tuy nhiên, việc tổ chức thực hiện các gói thầu EPC còn bộc lộ một số tồn tại như: chất lượng hồ sơ mời thầu còn yếu; dự toán, giá gói thầu lập chưa sát với giá thị trường; năng lực, kinh nghiệm của một số nhà thầu EPC còn hạn chế, chưa thực sự chọn được nhà thầu có năng lực; cơ hội tham gia các của các nhà thầu trong nước còn nhiều hạn chế; việc quản lý lao động

nước ngoài chưa được quan tâm đúng mức...dẫn tới nhiều dự án bị chậm tiến độ, chất lượng chưa đáp ứng yêu cầu. đặc biệt việc chậm tiến độ của một số dự án nhiệt điện, giao thông, vệ sinh môi trường ... gây bức xúc trong nhân dân, ảnh hưởng lớn đến kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.

Để tăng cường hiệu quả đầu tư của các dự án, công trình kết cấu hạ tầng, đảm bảo an ninh năng lượng và phát huy nội lực, nâng cao năng lực cạnh tranh của các nhà thầu trong nước, tại Chỉ thị này, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ và trong phạm vi quản lý của mình rà soát và chỉ đạo thực hiện các gói thầu EPC theo các nội dung:

- Đối với các hợp đồng đang thực hiện: Tăng cường giám sát bảo đảm việc thực hiện hợp đồng đúng kế hoạch, tiến độ thi công mà nhà thầu cam kết trong hồ sơ dự thầu và hợp đồng đã ký kết; Thực hiện nghiêm túc việc xử lý vi phạm hợp đồng đối với các hành vi chậm tiến độ, không đảm bảo chất lượng vật tư, thiết bị... theo các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng và quy định của pháp luật; Thực hiện nghiêm túc việc đăng tải công khai thông tin xử lý vi phạm theo quy định; Báo cáo cụ thể nguyên nhân và thiệt hại về kinh tế do chậm tiến độ đối với các hợp đồng thuộc dự án nhóm A đã chậm so với kế hoạch từ 6 tháng trở lên và chưa thực hiện quyết toán, gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, đánh giá.

- Đối với các hợp đồng đang trong giai đoạn ký kết: Rà soát các điều kiện của dự thảo hợp đồng, trong trường hợp thấy không đảm bảo tính khả thi, tính hiệu quả thì kiên quyết không ký kết hợp đồng; Xác định rõ các chế tài trong hợp đồng đủ mạnh để ràng buộc nhà thầu phải đảm bảo tiến độ, chất lượng của công trình, kiểm soát chi phí trong tổng mức đầu tư (phạt,

dùng và hủy hợp đồng).

- Đối với các dự án, gói thầu được triển khai trong thời gian tới: Khi lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (dự án đầu tư xây dựng công trình), các chủ đầu tư cần bám sát yêu cầu về tính tiên tiến, hiện đại của thiết bị công nghệ, phản ánh chính xác và dự báo biến động của giá cả thiết bị, vật tư, hàng hóa theo giá thị trường trong nước và quốc tế; Các chủ đầu tư, bên mời thầu khi lập kế hoạch đấu thầu phải cân nhắc việc phân chia các gói thầu EPC. Trường hợp có thể thì tách thành các gói thầu riêng biệt như tư vấn, cung cấp thiết bị, vật tư và xây lắp hoặc tách thành các gói thầu tư vấn, cung cấp vật tư, thiết bị và gói thầu xây lắp để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước có thể tham gia đấu thầu và thực hiện gói thầu. Không triển khai gói thầu theo hình thức EPC khi không thực sự cần thiết. Trong trường hợp phải tuân thủ chặt chẽ tính đồng bộ trong việc thực hiện dự án theo hình thức EPC thì trong hồ sơ mời thầu cần quy định mức yêu cầu tối thiểu về mặt kỹ thuật không thấp hơn 90% tổng số điểm (nếu đánh giá theo phương pháp chấm điểm) hoặc tất cả tiêu chuẩn chính phải đạt (nếu đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt)

Trường hợp gói thầu EPC mà khả năng các nhà thầu trong nước đảm nhận được trên 50% khối lượng công việc thì không được tổ chức đấu thầu quốc tế mà phải tổ chức đấu thầu rộng rãi trong nước. Đối với phần thiết bị, công nghệ trong nước chưa sản xuất được thì có thể thực hiện theo 2 phương án: tách phần thiết bị công nghệ thành gói thầu riêng để tổ chức đấu thầu quốc tế; giao nhà thầu trong nước đã trúng thầu tổ chức lựa chọn nhà thầu phụ đặc biệt để cung cấp thiết bị công nghệ đảm bảo yêu cầu chất lượng tiên tiến, hiện đại. Việc lựa chọn nhà thầu phải có sự chấp thuận của chủ đầu tư.

Trường hợp các gói thầu EPC có giá trị, quy mô lớn yêu cầu công nghệ đa dạng, phức tạp thuộc các dự án quan trọng của ngành hoặc dự án quan trọng quốc gia thì Bộ quản lý ngành



thành lập các Hội đồng khoa học về kinh tế - kỹ thuật để nghiên cứu và đề xuất phương án đánh giá chất lượng (công suất, hiệu suất, chi phí vận hành, bảo dưỡng...) và tuổi thọ thiết bị trong cả đời dự án, bảo đảm so sánh được hiệu quả giữa các loại thiết bị công nghệ mà nhà thầu chào khác nhau khi tổ chức đấu thầu quốc tế mua sắm thiết bị, công nghệ từ nước ngoài.

Việc sử dụng và quản lý lao động nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật về lao động.

Tại Chỉ thị này, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Khoa học và công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ: Công thương, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và

Truyền thông rà soát các tiêu chuẩn công nghệ ngành đảm bảo không để xảy ra tình trạng nhập khẩu công nghệ lạc hậu của thế giới, chỉ chấp nhận công nghệ tiên tiến, an toàn về môi trường và có giải pháp chọn lọc công nghệ đảm bảo phù hợp với các cam kết WTO.

Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý ngành rà soát, kiến nghị sửa đổi các quy định có liên quan về chế tài xử lý vi phạm hợp đồng, xử phạt vi phạm theo hướng nâng cao hạn mức xử phạt hợp đồng, đảm bảo xử lý nghiêm minh đối với các trường hợp cố tình vi phạm...

Chỉ thị có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: [www.vietnam.gov.vn](http://www.vietnam.gov.vn))

## VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

### **Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc sửa đổi, bổ sung khoản 5, Điều 8 và thay thế Điều 13 Quyết định số 06/2007/QĐ-UBND của UBND tỉnh Điện Biên ban hành Quy định cụ thể hóa một số điều về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ áp dụng trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

Ngày 19/4/2011, UBND tỉnh Điện Biên đã ban hành Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh Điện Biên về việc sửa đổi, bổ sung khoản 5, Điều 8 và thay thế Điều 13 Quyết định số 06/2007/QĐ-UBND ngày 22/6/2007 của UBND tỉnh Điện Biên ban hành Quy định cụ thể hóa một số điều về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ áp dụng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Theo đó, Điều 13 Quyết định số 06/2007/QĐ-UBND ngày 22/6/2007 của UBND tỉnh Điện Biên Quy định cụ thể Điều 25 Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg được thay thế với những nội dung chủ yếu sau;

Về hỗ trợ lương thực, mỗi nhân khẩu hợp pháp của hộ tái định cư (bao gồm hộ tái định cư nông nghiệp, hộ tái định cư phi nông nghiệp, hộ sở tại và di chuyển đến nơi tái định cư) được hỗ trợ lương thực bằng tiền có giá trị tương đương 20kg gạo/người/tháng trong thời gian 02 năm

(trừ nhân khẩu là đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 25 Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg).

Hộ không phải di chuyển chỗ ở nhưng bị thu hồi đất sản xuất nếu được giao đất mới thì tùy theo diện tích đất bị thu hồi, mỗi nhân khẩu hợp pháp của hộ được hỗ trợ lương thực bằng tiền tương đương 20kg gạo/người/tháng tính theo diện tích đất bị thu hồi: thu hồi dưới 30% diện tích đất sản xuất nông nghiệp thì được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng, thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ trong 12 tháng, thu hồi trên 70% diện tích đất sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ trong 24 tháng.

Trường hợp chưa xác định rõ thời điểm giao đất sản xuất mới cho các hộ tái định cư, UBND cấp huyện xác định thời điểm hỗ trợ lương thực cho phù hợp, không nhất thiết kể từ ngày được giao đất sản xuất mới nhằm hỗ trợ kịp thời giải quyết khó khăn đảm bảo cuộc sống cho hộ tái định cư.

Theo Quyết định này, các trường hợp không được tính hỗ trợ lương thực bao gồm: Hộ sở tại không bị thu hồi đất sản xuất và không phải di chuyển đến nơi tái định cư; hộ sở tại chỉ bị thu hồi một phần đất ở và không phải di chuyển đến nơi tái định cư; nhân khẩu đang tham gia nghĩa vụ quân sự mà hộ khẩu vẫn do chính quyền địa phương quản lý, các nhân khẩu đã nhận công tác tại các cơ quan nhà nước, nhân khẩu thuộc đối tượng truy nã, đang cải tạo tại các trại cải tạo tập trung, các cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng; cán bộ, công chức, công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động hưởng lương hưu hàng tháng đang sinh sống cùng gia đình tại nơi phải di chuyển được hỗ trợ một lần bằng tiền là 500.000 đồng/người sau khi đã đến nơi ở mới.

Tại Quyết định này đã bổ sung khoản 5, Điều 8, Quyết định số 06/2007/QĐ-UBND của UBND tỉnh Điện Biên như sau:

Quy định quản lý, sử dụng nguồn vốn xây dựng khu tái định cư đô thị bao gồm tiền bồi

thường, hỗ trợ thiệt hại trụ sở làm việc, công trình phụ gắn liền với trụ sở làm việc, công trình công cộng, cơ sở hạ tầng (công trình, vật kiến trúc), cây trồng vật nuôi gắn liền với mặt đất, đất có mặt nước của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức tại nơi ở cũ được lập phương án bồi thường, hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với công trình, vật kiến trúc bị thiệt hại của tổ chức được xây dựng tại nơi ở cũ bằng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước chiếm từ 30% trở lên: Trường hợp không có nhu cầu xây dựng lại công trình, vật kiến trúc tại nơi tái định cư thì không bồi thường giá trị bị thiệt hại công trình, vật kiến trúc tương ứng với nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, phần giá trị còn lại được bồi thường bằng tiền theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt tại thời điểm bồi thường; Trường hợp tổ chức có nhu cầu xây dựng lại công trình, vật kiến trúc tại nơi tái định cư thì được bồi thường giá trị bị thiệt hại công trình, vật kiến trúc theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt tại thời điểm bồi thường để đầu tư xây dựng lại công trình phù hợp quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết khu, điểm tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc xây dựng các công trình này phải lập dự án đầu tư riêng theo tiêu chuẩn, định mức, quy trình, quy phạm hiện hành của nhà nước và quản lý, thực hiện dự án đầu tư theo đúng quy định.

Công trình, vật kiến trúc bị thiệt hại của tổ chức được xây dựng tại nơi ở cũ bằng nguồn vốn khác hoặc một phần bằng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước chiếm dưới 30% thì được bồi thường bằng tiền theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt tại thời điểm bồi thường như hộ tái định cư. Trường hợp tổ chức thuộc đối tượng này có nhu cầu đầu tư, xây dựng lại công trình, vật kiến trúc tại nơi tái định cư theo quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết khu, điểm tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được sử dụng khoản

tiền bồi thường đó để đầu tư xây dựng lại công trình theo quy định hiện hành.

Giá trị thiệt hại cây trồng trên đất, vật nuôi trên đất có mặt nước của tổ chức được bồi thường bằng tiền theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền

phê duyệt tại thời điểm bồi thường như hộ tái định cư.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: [www.dienbien.gov.vn](http://www.dienbien.gov.vn))

**Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh Gia Lai ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Ngày 25/4/2011, UBND tỉnh Gia Lai đã có Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Quyết định này thay thế Quyết định số 56/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND tỉnh Gia Lai và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Bản Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND quy định cụ thể một số điều về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Quy định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường, kế hoạch và đầu tư, xây dựng, tài chính và các cơ quan khác có liên quan; cán bộ làm công tác xây dựng, địa chính xã, phường, thị trấn (cấp xã); Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư cấp tỉnh, cấp huyện, tổ chức phát triển quỹ đất; Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo, hộ gia đình, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức cá nhân nước ngoài đang sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai bị Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế; Tổ

chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Theo Quy định này, về điều kiện được bồi thường về đất, người đang sử dụng đất có đủ các điều kiện như quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ thì được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; Các trường hợp sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 nhưng không được cấp Giấy chứng nhận, sử dụng đất nông nghiệp vượt hạn mức thì không được bồi thường về đất. Nếu đất đang sử dụng là đất có nhà ở mà người có đất bị thu hồi không có chỗ ở nào khác trong phạm vi xã, phường, thị trấn thì được hỗ trợ, mức hỗ trợ về đất bằng 50% giá đất ở, diện tích hỗ trợ không quá hạn mức giao đất theo quy định của UBND tỉnh.

Các trường hợp sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 không được cấp Giấy chứng nhận, sử dụng đất nông nghiệp vượt hạn mức thì không được bồi thường về đất, nếu đất đang sử dụng là đất có nhà ở mà người có đất bị thu hồi không có chỗ ở nào khác trên phạm vi xã, phường, thị trấn thì được xem xét bố trí tái định cư.

Người đang sử dụng đất do lấn chiếm hoặc sử dụng đất được giao, thuê không đúng thẩm quyền kể từ ngày 01/7/2004 về sau thì không được bồi thường về đất khi bị thu hồi. Nếu phải di chuyển chỗ ở mà không có chỗ ở nào khác trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố thì được

xem xét bố trí tái định cư.

Giá đất để tính bồi thường là giá đất theo mục đích đang sử dụng tại thời điểm có Quyết định thu hồi đất do UBND tỉnh công bố theo quy định của Chính phủ, không bồi thường theo giá đất sẽ được chuyển mục đích sử dụng.

Trường hợp diện tích đất ở còn lại sau khi thu hồi nhỏ hơn hạn mức giao đất ở mới theo quy định của UBND tỉnh, nếu chủ sử dụng đất có nhu cầu được tiếp tục sử dụng nhưng phải sử dụng theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp diện tích đất còn lại không đủ để xây dựng nhà ở hoặc hình thể lô đất không thể xây dựng nhà ở được thì khuyến khích chủ sử dụng đất chuyển nhượng cho các hộ lân cận hoặc đề nghị Nhà nước thu hồi phần diện tích này và khi Nhà nước thu hồi được bồi thường theo quy định.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sau khi tiến hành bồi thường, giải tỏa mà có diện tích đất còn lại nhỏ hơn 15m<sup>2</sup>, có chiều rộng mặt tiền hoặc chiều sâu so với chỉ giới đường đỏ nhỏ hơn 3 m thì không được phép xây dựng nhà ở phải thu hồi bổ sung. Nếu phần diện tích còn lại từ 15m<sup>2</sup> đến dưới 40m<sup>2</sup> có chiều rộng mặt tiền 3 m trở lên và chiều sâu so với chỉ giới đường đỏ từ 3 m trở lên thì được phép xây dựng nhà ở theo quy định.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sau khi thu hồi đất ở, có phần đất còn lại nằm trong quy hoạch xây dựng các công trình khác hoặc nằm trong hành lang bảo vệ các công trình thì tiến hành thu hồi, bồi thường giải tỏa luôn phần diện tích này theo quy định.

Về bồi thường tài sản, đối với hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp có sản phẩm chưa đến kỳ thu hoạch mà cần giải tỏa ngay thì được bồi thường sản lượng, sản phẩm của kỳ thu hoạch đó theo năng suất bình quân trên một đơn vị diện tích, theo đơn giá tại thời điểm thu hồi do cơ quan tài chính cấp huyện, thị xã, thành phố cung cấp.

Trường hợp thu hồi đất xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện: đối với cây trồng chưa thu hoạch có thể di chuyển đến địa điểm tái định cư thì được bồi thường chi phí di chuyển, chi phí trồng lại, mức bồi thường bằng chi phí đầu tư mới vườn cây, đối với vườn cây đang trong kỳ sản xuất kinh doanh được bồi thường theo đơn giá do UBND tỉnh ban hành.

Về bồi thường nhà, công trình xây dựng trên đất: Đối với nhà ở, công trình sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân được bồi thường bằng giá trị xây dựng mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương. Giá trị xây dựng mới của nhà, công trình xây dựng được tính theo diện tích xây dựng đối với nhà biệt thự 1 tầng và nhà cấp IV xây trệt. Đối với các loại nhà còn lại thì giá trị xây dựng mới của nhà tính theo m<sup>2</sup> sàn.

Đối với nhà, công trình, vật kiến trúc mà chưa có đơn giá xây dựng do UBND tỉnh ban hành thì bồi thường theo giá trị dự toán thực tế xây dựng được cơ quan có thẩm quyền thẩm định tại thời điểm thu hồi đất.

Nhà ở, công trình có chi phí xây dựng lớn hơn giá trị nhà cùng cấp do phải xây móng lớn hơn bình thường thì phần chi phí tăng đó được xem xét bồi thường.

Tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất cố ý hủy hoại đất, lấn chiếm đất, cá nhân có tài sản trên đất bị chết mà không có người thừa kế, tài sản trên đất xây dựng sau khi hết thời hạn thuê đất, giao đất mà không được cơ quan có thẩm quyền gia hạn thì không được bồi thường.

Bản Quy định này cũng quy định cụ thể về chính sách hỗ trợ di chuyển, hỗ trợ tái định cư, hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất, hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong khu dân cư và đất vườn, ao không được công nhận là đất ở, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và đào tạo việc làm, hỗ trợ xây dựng nhà ở và các hỗ trợ khác.

**(Xem toàn văn tại: [www.gialai.gov.vn](http://www.gialai.gov.vn))**

## **Quyết định số 15/2011/QĐ - UBND của UBND tỉnh Lào Cai về quy chế quản lý và sử dụng quỹ phát triển đất của tỉnh Lào Cai**

Ngày 17/5/2011, UBND tỉnh Lào Cai đã ban hành Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND về quy chế quản lý và sử dụng quỹ phát triển đất của tỉnh Lào Cai. Quy chế này quy định về việc quản lý và sử dụng Quỹ phát triển đất tỉnh Lào Cai (sau đây viết tắt là Quỹ). Các nội dung khác không được quy định tại Quy chế này thì được thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật hiện hành.

Theo Quy chế này, Quỹ hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn vốn, bù đắp chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động và không vì mục đích lợi nhuận. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ bao gồm vốn nhà nước cấp và các nguồn vốn khác. Hàng năm, ngân sách tỉnh và ngân sách các huyện, thành phố trích 30% - 50% nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất phân ngân sách cấp mình được hưởng (sau khi trừ các khoản chi để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tạo quỹ đất để đấu giá và chi phí có liên quan khác chưa được bố trí từ nguồn vốn hợp pháp khác) để tạo lập, bổ sung nguồn vốn của Quỹ. Mức trích cụ thể hàng năm do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định. Các nguồn vốn khác của Quỹ gồm: vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ hoặc ủy thác quản lý của các tổ chức quốc tế, tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ, ủy thác theo quy định của pháp luật.

Quy chế này quy định Quỹ được sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ: Ứng vốn cho Tổ chức phát triển quỹ đất và các huyện, thành phố để tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng

đất trong khu vực đã có quy hoạch phải thu hồi đất mà người sử dụng đất có nhu cầu chuyển nhượng trước khi Nhà nước thu hồi đất; tổ chức phát triển các khu tái định cư phục vụ việc thu hồi đất thực hiện các dự án; tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên quỹ đất đã được giao quản lý để đấu giá; Ứng vốn cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Ứng vốn cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện đầu tư tạo quỹ đất, quỹ nhà tái định cư theo quy hoạch; Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ thực hiện các đề án đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp cho các đối tượng bị Nhà nước thu hồi đất; Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ khoản chênh lệch cho hộ gia đình, cá nhân vào khu tái định cư trong trường hợp hộ gia đình, cá nhân nhận đất ở, nhà ở tái định cư mà số tiền được bồi thường, hỗ trợ nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu; Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ xây dựng khu tái định cư; hỗ trợ xây dựng các công trình hạ tầng tại địa phương có đất bị thu hồi.

Về thẩm quyền quyết định mức ứng vốn, Quy chế này quy định: Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức ứng vốn đối với các hồ sơ dự án có tổng mức ứng vốn từ 5 tỷ đồng trở lên; Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức ứng vốn đối với các hồ sơ có tổng mức ứng vốn từ 2 tỷ đến dưới 5 tỷ đồng; Giám đốc Quỹ quyết định ứng vốn đối với hồ sơ có tổng mức ứng vốn dưới 2 tỷ đồng.

Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất theo quy hoạch sau đó Nhà nước giao cho nhà đầu tư theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử



dụng đất, cho thuê đất nhưng được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì được hoàn trả từ vốn đầu tư của dự án;

Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất theo quy hoạch sau đó Nhà nước giao cho nhà đầu tư theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thì được hoàn trả từ ngân sách địa phương;

Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch sau đó đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án trên đất thì được hoàn trả từ tiền đấu giá quyền sử dụng đất hoặc tiền sử dụng đất thu được thông

qua đấu thầu trước khi nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định;

Đối với vốn đối ứng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng các khu, điểm, nhà tái định cư để tạo lập quỹ nhà đất phục vụ tái định cư cho người bị thu hồi đất thì được hoàn trả từ nguồn thu tiền sử dụng đất, bán nhà tái định cư của đối tượng được bố trí tái định cư; trường hợp nguồn thu từ tiền sử dụng đất, bán nhà tái định cư không đủ để hoàn trả thì ngân sách địa phương hoàn trả phần chênh lệch.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: [www.laocai.gov.vn](http://www.laocai.gov.vn))

## **Quyết định số 28/2011/QĐ - UBND của UBND thành phố Hồ Chí Minh về Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại TP. Hồ Chí Minh**

Ngày 19/5/2011, UBND thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 28/2011/QĐ - UBND về Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại TP. Hồ Chí Minh.

Quy định này quy định các trường hợp điều chỉnh các loại đồ án quy hoạch đô thị, đồ án thiết kế đô thị riêng đã được phê duyệt (đồ án quy hoạch đô thị) và công bố tại thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm: Đồ án quy hoạch chung xây dựng quận, huyện; đồ án quy hoạch chung thị trấn, các khu đô thị mới và các khu chức năng đô thị; Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500), thiết kế đô thị riêng.

Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan đến công tác điều chỉnh các đồ án quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh phải tuân thủ Quy định này và các văn bản pháp luật có liên quan.

Quy hoạch đô thị chỉ được điều chỉnh khi có một trong các trường hợp sau:

- Có sự điều chỉnh về chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch

phát triển ngành, lĩnh vực, quốc phòng, an ninh; định hướng quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị quốc gia, quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị cấp trên và địa giới hành chính làm ảnh hưởng lớn đến tính chất, chức năng, quy mô của đô thị hoặc khu vực lập quy hoạch;

- Hình thành các dự án trọng điểm có ý nghĩa quốc gia làm ảnh hưởng lớn đến sử dụng đất, môi trường, bố cục không gian kiến trúc đô thị;

- Quy hoạch đô thị không thực hiện được hoặc việc triển khai thực hiện gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội và môi trường sinh thái, di tích lịch sử, văn hóa được xác định thông qua rà soát, đánh giá thực hiện quy hoạch đô thị và ý kiến cộng đồng;

- Có sự biến động về điều kiện khí hậu, địa chất, thủy văn;

- Phục vụ lợi ích quốc gia và lợi ích cộng đồng.

Theo quy định này việc điều chỉnh quy hoạch đô thị theo nguyên tắc sau:

- Tập trung vào nội dung cần điều chỉnh, nội

dung không điều chỉnh của đồ án đã phê duyệt vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

- Việc điều chỉnh phải trên cơ sở phân tích, đánh giá hiện trạng, xác định rõ các yêu cầu cải tạo, chỉnh trang đô thị để đề xuất điều chỉnh chỉ tiêu về sử dụng đất, giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đối với từng khu vực; giải pháp về cải tạo mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình hạ tầng xã hội phù hợp với yêu cầu phát triển.

Điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị được quy định như sau:

- Điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị được tiến hành khi tính chất, chức năng, quy mô của đô thị, của khu vực lập quy hoạch chi tiết thay đổi hoặc nội dung dự kiến điều chỉnh làm thay đổi cơ cấu, định hướng phát triển chung của đô thị; tính chất, chức năng, quy mô và các giải pháp quy hoạch chính của khu vực lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 và quy hoạch chi tiết (1/500);

- Điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị phải bảo đảm đáp ứng được yêu cầu thực tế, phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội và định hướng phát triển của đô thị trong tương lai, nâng cao chất lượng môi trường sống, cơ sở hạ tầng và cảnh quan đô thị; bảo đảm tính kế thừa, không ảnh hưởng lớn đến các dự án đầu tư đang triển khai.

Điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị được quy định như sau:

- Điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị được tiến hành khi nội dung dự kiến điều chỉnh không ảnh hưởng lớn đến tính chất, ranh giới, định hướng phát triển chung của đô thị; tính chất, chức năng, quy mô và các giải pháp quy hoạch chính của khu vực lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 hoặc quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500);

- Điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị phải xác định rõ phạm vi, mức độ, nội dung điều chỉnh; bảo đảm tính liên tục, đồng bộ của quy hoạch chung đô thị hoặc quy hoạch phân khu,

quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 hoặc quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) hiện có trên cơ sở phân tích, làm rõ các nguyên nhân dẫn đến việc phải điều chỉnh; hiệu quả kinh tế - xã hội của việc điều chỉnh; các giải pháp khắc phục những phát sinh do điều chỉnh quy hoạch.

- Điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 được tiến hành khi tổ chức thực hiện quy hoạch mà các dự án đầu tư xây dựng làm thay đổi chức năng sử dụng đất hoặc làm tăng, giảm chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị (mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao xây dựng tối đa, tối thiểu), quy mô dân số cục bộ hoặc thay đổi mô hình ở trên một hoặc một số ô phố trong đồ án nhưng bảo đảm khả năng cung cấp hạ tầng kỹ thuật, quy mô sử dụng đất và bán kính phục vụ của các công trình hạ tầng xã hội.

Điều chỉnh đối với một lô đất trong khu vực quy hoạch:

- Trường hợp cần phải điều chỉnh ranh giới hoặc một số chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung hoặc công trình riêng lẻ trong khu vực đã có quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) đã được phê duyệt, cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào Quy chuẩn về quy hoạch đô thị; điều kiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của đô thị hoặc khu vực, Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị để quyết định việc điều chỉnh thông qua việc cấp giấy phép quy hoạch theo Luật Quy hoạch đô thị, Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố về cấp giấy phép quy hoạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Việc điều chỉnh ranh giới hoặc một số chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị của lô đất phải bảo đảm không làm ảnh hưởng đến tính chất, không gian kiến trúc, cảnh quan, môi trường và khả năng cung cấp hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của đô thị và khu vực.

Quy hoạch đô thị phải được định kỳ xem xét, rà soát, đánh giá quá trình thực hiện để kịp thời điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn. Thời hạn rà soát định kỳ đối với quy hoạch chung và quy hoạch phân khu là 5 năm, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 và quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) là 3 năm kể từ ngày quy hoạch đô thị được phê duyệt.

Theo Quy định này Sở Quy hoạch - Kiến trúc có trách nhiệm rà soát quy hoạch chung thành phố; Các Sở quản lý chuyên ngành có trách nhiệm rà soát các quy hoạch đô thị đã được UBND thành phố giao tổ chức lập quy hoạch đô thị; UBND các quận, huyện, Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Khu đô thị mới Nam thành phố, Ban Quản lý đầu tư - xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm, Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc thành phố, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố (sau đây gọi là các Ban Quản lý chức năng đô thị) có trách nhiệm rà soát các quy hoạch đô thị đã được cấp thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi địa giới hành chính và được phân giao quản lý.

Kết quả rà soát quy hoạch đô thị phải được gửi đến Sở Quy hoạch - Kiến trúc và báo cáo bằng văn bản với cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị. Căn cứ tình hình phát triển kinh tế - xã hội và các yếu tố tác động đến quá trình phát triển đô thị, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị quyết định việc điều chỉnh quy hoạch đô thị.

Thời gian để cơ quan có thẩm quyền thẩm định quy hoạch đô thị có văn bản báo cáo gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị để xem xét về chủ trương điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị là không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị.

Thời gian để cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị xem xét, quyết định về chủ trương điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị

là không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo của cơ quan thẩm định quy hoạch đô thị.

Thời gian thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị được thực hiện như quy định đối với trường hợp lập mới quy hoạch đô thị.

Thời gian để cơ quan thẩm định quy hoạch đô thị có ý kiến, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị là không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

Thời gian để cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị có văn bản quyết định việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị là 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan thẩm định.

Đối với các quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND quận, huyện, các Ban Quản lý các khu chức năng đô thị được nêu tại Khoản 2, Điều 5 Quy định này thì thời gian để Sở Quy hoạch - Kiến trúc có ý kiến thống nhất bằng văn bản trước khi các cơ quan này quyết định việc điều chỉnh cục bộ hoặc phê duyệt nhiệm vụ, đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị là không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan thẩm định. Quá thời gian này mà Sở Quy hoạch - Kiến trúc vẫn chưa có ý kiến bằng văn bản thì xem như thống nhất với ý kiến của cơ quan thẩm định. Thời gian lấy ý kiến của Sở Quy hoạch - Kiến trúc được tính trong thời gian xem xét, thẩm định của cơ quan thẩm định theo quy định.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 84/2008/QĐ-UBND ngày 11/12/2008 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy trình điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 tại thành phố Hồ Chí Minh

**(Xem toàn văn tại: [hochiminhcity.gov.vn](http://hochiminhcity.gov.vn))**

**Nghiệm thu đề tài:**

## **Dự thảo tiêu chuẩn quốc gia "Xi măng - phương pháp xác định độ co khô của vữa"**

Ngày 26/5/2011, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã nghiệm thu đề tài khoa học biên soạn tiêu chuẩn quốc gia "Xi măng - phương pháp xác định độ co khô của vữa" do Th.S Lê Đức Thịnh - Viện Vật liệu xây dựng Bộ Xây dựng làm chủ nhiệm đề tài.

Thay mặt nhóm biên soạn, Th.S Lê Đức Thịnh đã báo cáo Hội đồng về dự thảo và thuyết minh tiêu chuẩn "Xi măng - phương pháp xác định độ co khô của vữa". Theo báo cáo, dự thảo tiêu chuẩn được biên soạn dựa trên tiêu chuẩn Mỹ ASTM C596-09 "Standard test method for drying shrinkage of mortar - phương pháp thử tiêu chuẩn độ co khô của vữa", kết hợp với các tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam về vật liệu, phương pháp thử, dụng cụ thử và lấy mẫu. Tương tự với các tiêu chuẩn thông dụng khác của Việt Nam về phương pháp thử, bố cục dự thảo tiêu chuẩn gồm 12 phần, với các hình vẽ mô tả việc thử nghiệm và các bảng biểu kết quả thử nghiệm.

Theo ý kiến các chuyên gia phản biện - TS. Trần Bá Việt - Phó Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng và TS. Thái Duy Sâm - Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội Vật liệu Xây dựng Việt Nam, việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá mức độ co khô của vữa xi măng là cần thiết nhằm tiên lượng và có giải pháp phòng ngừa phù hợp hiện tượng nứt do co khô của các kết cấu bê tông và bê tông cốt thép. Nhóm biên soạn dựa trên tiêu chuẩn Mỹ ASTM C596-09 là phù hợp, nội dung biên soạn và bố cục tiêu chuẩn hợp lý. Tuy nhiên, trong dự thảo tiêu chuẩn còn một số sai sót về thuật ngữ và cách trình bày cần được khắc phục. Trong dự thảo tiêu chuẩn, nhóm biên soạn hướng dẫn thử nghiệm đối với các



*Toàn cảnh cuộc họp của Hội đồng nghiệm thu*

thanh mẫu sử dụng cát theo tiêu chuẩn Mỹ, trong khi ở nước ta chủ yếu dùng cát ISO theo TCVN 6227:1996, vì vậy cần bổ sung các thí nghiệm đối với các mẫu sử dụng cát ISO cho phù hợp với điều kiện thực tế ở Việt Nam...

Phát biểu ý kiến đóng góp cho dự thảo tiêu chuẩn, các thành viên của Hội đồng đều thống nhất cao về sự cần thiết cũng như bố cục của dự thảo tiêu chuẩn, đồng thời cũng bổ sung nhiều ý kiến xác đáng và chi tiết về phạm vi áp dụng tiêu chuẩn, bổ sung tiêu chuẩn viện dẫn, biên bản thử nghiệm...

Thay mặt Hội đồng nghiệm thu, Th.S Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN Bộ Xây dựng đã tóm tắt các ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng, đề nghị nhóm biên soạn tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo tiêu chuẩn để làm thủ tục công bố.

Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã nhất trí nghiệm thu đề tài với kết quả xếp loại Khá.

**Minh Tuấn**



## **Dự thảo tiêu chuẩn quốc gia "Xi măng - phương pháp xác định gần đúng hàm lượng SO<sub>3</sub> tối ưu thông qua cường độ nén"**

Ngày 26/5/2011, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu kết quả nghiên cứu của đề tài biên soạn Dự thảo tiêu chuẩn quốc gia "Xi măng - phương pháp xác định gần đúng hàm lượng SO<sub>3</sub> tối ưu thông qua cường độ nén" do Th.S Hà Văn Lân - Viện Vật liệu xây dựng Bộ Xây dựng làm chủ nhiệm.

Theo báo cáo của chủ nhiệm đề tài trước Hội đồng, hàm lượng SO<sub>3</sub> (thạch cao) trong xi măng được quy định từ 1,6% - 2,2% với mục đích điều chỉnh thời gian đông kết của xi măng, tuy nhiên, hàm lượng SO<sub>3</sub> không chỉ ảnh hưởng đến thời gian đông kết mà còn tác động đến cường độ, độ nở, độ co của mẫu đá xi măng. Thông qua nghiên cứu thử nghiệm trên các mẫu vữa xi măng, nhóm đề tài đã phát hiện hàm lượng SO<sub>3</sub> thay đổi khiến cho cường độ nén của vữa xi măng cũng thay đổi theo, mối quan hệ này được biểu diễn thành một đường cong dạng parabol ngược. Việc tính toán các kết quả như cường độ nén, hàm lượng SO<sub>3</sub> tối ưu được lấy chính xác đến 0,01.

Dự thảo tiêu chuẩn "Xi măng - phương pháp xác định gần đúng hàm lượng SO<sub>3</sub> tối ưu thông qua cường độ nén" được biên soạn dựa trên tiêu chuẩn Mỹ ASTM C563-07 - và tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6016:1995 về phương pháp xác định cường độ nén.

Theo TS. Trần Bá Việt - Phó Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng - ủy viên phản biện của Hội đồng, tiêu chuẩn này rất có giá trị, việc biên soạn dựa trên ASTM C563-07 là phù hợp.

Phát biểu đóng góp cho dự thảo tiêu chuẩn và nhóm đề tài, TS.Thái Duy Sâm - Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội VLXD Việt Nam khẳng định, thạch cao là thành phần không thể thiếu trong xi măng, việc tính toán sử dụng hàm lượng SO<sub>3</sub> tối ưu mang ý nghĩa kinh tế đối với



*Th.S Hà Văn Lân báo cáo kết quả nghiên cứu trước Hội đồng nghiệm thu*

các nhà sản xuất xi măng và cho đất nước vì thạch cao chủ yếu phải nhập khẩu. Vì vậy việc biên soạn tiêu chuẩn "Xi măng - phương pháp xác định gần đúng hàm lượng SO<sub>3</sub> tối ưu thông qua cường độ nén" là cần thiết và có giá trị thực tiễn. Việc biên soạn tiêu chuẩn này dựa trên ASTM C 563-07 và các tiêu chuẩn Việt Nam được ban hành mới đây là phù hợp và có cơ sở khoa học. Tuy nhiên, trong tiêu chuẩn này nên quy định cách lấy mẫu đơn giản hơn để người thí nghiệm dễ áp dụng và phù hợp với điều kiện thiết bị, dụng cụ của các phòng thí nghiệm hiện có của Việt Nam. Đề nghị nhóm nghiên cứu xem xét có thể áp dụng cho tuổi 28 ngày được không, nếu được thì việc công bố tiêu chuẩn này sẽ có giá trị thực tiễn cao hơn.

Trong các ý kiến đóng góp cho dự thảo tiêu chuẩn, các thành viên của Hội đồng đề nghị nhóm đề tài bổ sung thêm một số nội dung như thuyết minh kỹ hơn quy trình nghiền mịn thạch cao, định nghĩa hàm lượng tối ưu, bổ sung tuổi của mẫu thí nghiệm trong phần báo cáo thí nghiệm, làm rõ hơn đối tượng sử dụng tiêu chuẩn này...

Phát biểu kết luận, Chủ tịch Hội đồng - Th.S Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN và



Môi trường Bộ Xây dựng đã đánh giá cao những cố gắng của nhóm đề tài trong việc xây dựng dự thảo tiêu chuẩn này. Về cơ bản, dự thảo tiêu chuẩn đã đáp ứng được yêu cầu, tuy còn một số chỗ cần điều chỉnh. Thay mặt Hội đồng, Th.S Trần Đình Thái đã yêu cầu nhóm đề tài tiếp thu ý kiến góp ý của các thành viên Hội

đồng để chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện dự thảo tiêu chuẩn.

Đề tài đã được Hội đồng nghiệm thu với kết quả xếp loại Xuất sắc.

Minh Tuấn

## **Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh là đô thị loại IV**

Ngày 18/5/2011, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị nâng cấp thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh là đô thị loại IV. Tham dự Hội nghị có đại diện Văn phòng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, các Hội, Hiệp hội chuyên ngành Xây dựng, UBND tỉnh Quảng Ninh, huyện Đông Triều và thị trấn Mạo Khê. Ủy viên TƯ Đảng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng - Chủ tịch Hội đồng thẩm định nâng loại đô thị quốc gia đã chủ trì Hội nghị.

Thay mặt lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh và huyện Đông Triều, Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh Quảng Ninh Đỗ Thông đã báo cáo trước Hội đồng thẩm định về quá trình hình thành, xây dựng và phát triển cũng như những lợi thế về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của thị trấn Mạo Khê, chủ trương của tỉnh Quảng Ninh về quy hoạch thị trấn Mạo Khê trong tổng thể xây dựng huyện Đông Triều trở thành thị xã trước năm 2015.

Theo Phó Chủ tịch Đỗ Thông, UBND tỉnh Quảng Ninh và huyện Đông Triều đã nghiêm túc nhìn nhận và đánh giá đúng thực trạng của thị trấn Mạo Khê. Căn cứ các tiêu chí của đô thị loại IV theo Nghị định số 42/2009/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 34/2009/TT-BXD của Bộ Xây dựng về phân loại đô thị, thị trấn Mạo Khê đã hội đủ các điều kiện cần thiết để trở thành đô thị loại IV. Với việc được công nhận là đô thị loại IV, thị trấn Mạo Khê sẽ có điều kiện



*Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng chủ trì Hội nghị*

để tăng cường bộ máy quản lý hành chính, xây dựng cơ chế chính sách huy động các nguồn vốn đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng theo hướng hiện đại, tạo cơ hội cho tăng trưởng kinh tế và nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân, xây dựng văn minh đô thị.

Thị trấn Mạo Khê cách trung tâm huyện lỵ Đông Triều 9km có tổng diện tích tự nhiên 19,06km<sup>2</sup>, có 24 khu phố. Thị trấn là trung tâm kinh tế và phát triển công nghiệp của huyện Đông Triều, đồng thời cũng là một trong những trung tâm khai thác than của tỉnh Quảng Ninh và quốc gia. Trải qua 45 năm hình thành và phát triển, đến nay thị trấn Mạo Khê đã đạt được nhiều thành tựu trong phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng đô thị. Tốc độ tăng trưởng kinh tế những năm qua đều cao và ổn định, trung bình từ 17-18%. Tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 1,4%, văn hóa xã hội phát triển, an

ninh quốc phòng được giữ vững, kết cấu hạ tầng được chú trọng đầu tư, quá trình đô thị hóa gắn liền với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực.

Về hiện trạng phát triển đô thị, thị trấn Mạo Khê là trung tâm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại có vai trò động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế của toàn huyện Đông Triều. Thị trấn là một trong những trung tâm đào tạo công nhân kỹ thuật và trung tâm khai thác than quan trọng của tỉnh Quảng Ninh, là đầu mối giao thông đường thủy, đường bộ, đường sắt liên huyện, liên tỉnh Quảng Ninh với Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Quy mô dân số toàn đô thị Mạo Khê là 51,1 nghìn người, dân số nội thị 37,7 nghìn người, mật độ dân số đô thị là 4.813 người/km<sup>2</sup>, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 84%, thu ngân sách trên địa bàn đạt 98,56 tỷ đồng (năm 2009), cân đối dư.

Về chỉ tiêu nhà ở và hệ thống công trình hạ tầng đô thị, thị trấn Mạo Khê có tỷ lệ diện tích xây dựng nhà ở bình quân đạt 18m<sup>2</sup> sàn/người, nhà kiên cố và bán kiên cố chiếm 85%. Thị trấn có trung tâm y tế chuyên sâu, bệnh viện đa khoa, 01 trung tâm hướng nghiệp dạy nghề, 01 trường đại học, 02 trường phổ thông trung học, 03 trường trung học cơ sở, có nhà văn hóa, sân vận động, nhà thi đấu thể thao đạt chuẩn quốc gia...

Trong những năm gần đây, tỉnh Quảng Ninh và huyện Đông Triều đã giành nhiều nguồn lực đầu tư cho Mạo Khê trong việc chỉnh trang đô thị, xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình bảo vệ môi trường (hệ thống băng tải ống để vận chuyển than...), tỷ lệ dân số khu vực đô thị được cấp nước sạch là 65%, thu gom nước thải đạt 75%, 80% các cơ sở sản xuất mới xây dựng có trạm xử lý nước thải, tỷ lệ thu gom rác thải khu vực nội thị đạt 80%, xử lý chôn lấp rác thải hợp vệ sinh đạt 70%.

Bên cạnh những thành tựu nổi bật của thị trấn Mạo Khê trong lĩnh vực phát triển đô thị, thị trấn Mạo Khê cũng còn có những hạn chế về



*Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh Đỗ Thông phát biểu tại Hội nghị*



*Ông Vũ Văn Học - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện Đông Triều báo cáo trước Hội đồng về nội dung của Đề án*

một số yếu tố như cơ sở hạ tầng, thoát nước, xử lý rác thải, nước thải, quản lý đô thị, cảnh quan môi trường, cây xanh công cộng. Trong kế hoạch đầu tư và phương hướng phát triển những năm tới, huyện Đông Triều và thị trấn Mạo Khê sẽ tiếp tục tập trung cao độ cho phát triển kinh tế, thu hút đầu tư, đẩy nhanh việc thực hiện các dự án, quản lý tốt xây dựng công trình kiến trúc, kết cấu hạ tầng và cảnh quan đô thị đảm bảo đạt các tiêu chí cao nhất của đô thị loại IV.

Sau khi nghe UBND thị trấn Mạo Khê báo cáo tóm tắt các nội dung của đề án theo các tiêu chí xếp loại đô thị, ý kiến thẩm định của Cục Phát triển đô thị - Bộ Xây dựng và ý kiến đóng góp các thành viên Hội đồng, Thứ trưởng Trịnh Đình Dũng đã phát biểu kết luận: Mạo Khê đã và đang phát triển, việc nâng loại đô thị

Mạo Khê lên loại IV là công nhận sự phát triển của Mạo Khê, sự quan tâm và nỗ lực của cấp ủy và chính quyền, nhân dân thị trấn Mạo Khê, tạo điều kiện để Mạo Khê xây dựng chiến lược đầu tư phát triển đô thị, góp phần hoàn thiện hệ thống đô thị của vùng và của tỉnh Quảng Ninh. Các ý kiến phát biểu và kết quả cho điểm của các thành viên Hội đồng cho thấy, Hội đồng nhất trí cao với đề nghị của UBND tỉnh Quảng Ninh về công nhận thị trấn Mạo Khê là đô thị loại IV. Thay mặt Hội đồng thẩm định, Thứ

trưởng Trịnh Đình Dũng cũng lưu ý lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh, huyện Đông Triều và thị trấn Mạo Khê về một số vấn đề cần quan tâm chỉ đạo để khắc phục một vài chỉ tiêu đạt thấp như vấn đề môi trường, xử lý rác thải, nước thải, thiết kế và chỉnh trang đô thị, quản lý xây dựng theo quy hoạch, xây dựng quy hoạch mang tính chất vùng...

Minh Tuấn

## **Hội thảo quốc tế "Công nghệ sản xuất vôi công nghiệp. Giải pháp tiết kiệm năng lượng và chi phí trong sản xuất xi măng"**

Ngày 25/5/2011, dưới sự bảo trợ của Bộ Xây dựng, Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam và Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình vật liệu xây dựng (CCBM) đã phối hợp tổ chức Hội thảo quốc tế "Công nghệ sản xuất vôi công nghiệp. Giải pháp tiết kiệm năng lượng và chi phí trong sản xuất xi măng". Hội thảo đã thu hút được sự quan tâm của trên 200 đại biểu, khách mời đến từ các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp xi măng, sản xuất vật liệu xây dựng, tư vấn thiết kế và chuyển giao công nghệ.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, TS. Trần Văn Huynh - Chủ tịch Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam đã nhấn mạnh, hai chủ đề chính của Hội thảo là công nghệ sản xuất vôi công nghiệp và giải pháp tiết kiệm năng lượng trong sản xuất xi măng là 2 vấn đề đang được quan tâm hiện nay trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng. Vôi được sản xuất theo quy trình công nghiệp, với công nghệ hiện đại, sẽ giúp tạo ra sản phẩm vôi đảm bảo chất lượng, làm nguyên liệu đầu vào cho ngành sản xuất gạch bê tông khí chưng áp - loại vật liệu xây đang được Chính phủ khuyến khích phát triển nhằm tiết kiệm đất canh tác và bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, trong bối cảnh giá nhiên liệu tăng cao, tiết kiệm



TS. Trần Văn Huynh - Chủ tịch Hội VLXD VN phát biểu khai mạc Hội thảo

năng lượng đồng nghĩa với giảm chi phí trong sản xuất xi măng đang được các nhà sản xuất xi măng - hộ tiêu dùng điện năng lớn - hết sức chú trọng.

Tại Hội thảo này, các đại biểu tham dự đã được nghe đại diện cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực VLXD - ông Phạm Văn Bắc - Phó Vụ trưởng Vụ VLXD Bộ Xây dựng thuyết trình về tổng quan tình hình sản xuất và sử dụng vôi tại Việt Nam; đại diện của Công ty Cimprogetti (Italia) thuyết trình về công nghệ sản xuất vôi công nghiệp; công ty Sinoma (Trung Quốc) giới thiệu về mô hình trạm phát điện nhiệt khí thải trong công nghiệp xi măng; Viện Nghiên cứu thiết kế xi măng Hợp Phì (Trung Quốc) giới





Các đại biểu dự Hội thảo

thiệu những công nghệ và thiết bị chính tiết kiệm năng lượng và giảm thiểu phát thải trong sản xuất xi măng; Tập đoàn Supcon (Trung Quốc) giới thiệu giải pháp tự động hóa tiết kiệm năng lượng trong sản xuất xi măng.

Thay mặt đơn vị tổ chức Hội thảo, ông Nguyễn Công Vinh - Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Cty CCBM đã bày tỏ mong muốn Hội thảo sẽ phổ biến cho các đại biểu không chỉ

## Hội thảo: “Nhiên liệu thay thế trong ngành công nghiệp xi măng”

Được sự bảo trợ của Bộ Xây dựng, ngày 26/5/2011 tại Hà Nội, Công ty Resourceco Asia Pte Ltd, ATEC Asia Sdn Bhd, Readymix Holdings (Việt Nam) và Vụ Vật liệu xây dựng Bộ Xây dựng đã phối hợp tổ chức hội thảo “Nhiên liệu thay thế trong ngành công nghiệp xi măng”. Đại diện các Vụ, Viện của Bộ Xây dựng, TCty công nghiệp xi măng Việt Nam, các Công ty xi măng trong nước đã tham dự hội thảo.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, ông Jonthan Campbell Cooks – Giám đốc Resourceco Asia Pte Ltd và Readymix Concrete (Việt Nam) đã nhấn mạnh: chủ đề chính của hội thảo lần này là tái chế và sử dụng nhiên liệu thay thế trong ngành công nghiệp xi măng. Trong bối cảnh giá than của Việt Nam ngày càng tăng cao, trữ lượng than ngày càng khan hiếm, áp lực đối với ngành xi măng - ngành công nghiệp đòi hỏi nhiều năng lượng ngày càng lớn. Ngành Xi



TS. Phạm Văn Bắc - Phó Vụ trưởng Vụ VLXD Bộ Xây dựng trình bày tham luận tại Hội thảo những thông tin kỹ thuật thuần túy mà còn cung cấp thông tin về khả năng ứng dụng, phương thức tổ chức thực hiện dự án đầu tư và sự hợp tác, phối hợp của CCBM với các đơn vị tham gia thuyết trình trong việc cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cho các dự án trong lĩnh vực sản xuất vôi và xi măng.

Minh Tuấn



Phó Vụ trưởng Vụ VLXD Bộ Xây dựng Hoàng Hữu Tân phát biểu tại Hội thảo

măng Việt Nam đã bắt đầu nhìn nhận việc sử dụng nhiên liệu thay thế như một giải pháp làm tăng khả năng cạnh tranh của các công ty xi măng thông qua việc tiết kiệm chi phí. Bên cạnh đó, nhiên liệu thay thế chủ yếu là rác thải

công nghiệp và thương mại, chất thải rắn đô thị, rác thải sinh hoạt cũng là nguồn năng lượng ổn định, cần có kế hoạch khai thác và tái chế.

Tại hội thảo, ông Guah Eng Hock - Giám đốc điều hành Resourceco thuyết trình về công nghệ quản lý rác thải và sử dụng nhiên liệu tái chế trong lò xi măng khu vực châu Á.

Xi măng là nguyên liệu được sử dụng nhiều thứ hai trên thế giới, sau nước. Mặt khác, sản xuất xi măng chiếm tới 5% nguồn phát thải CO<sub>2</sub> của trái đất. Do đó, sử dụng nhiên liệu thay thế là hướng đi phù hợp với tình hình hiện nay. Vấn đề đặt ra là sử dụng loại nhiên liệu thay thế nào. Ông Guah Eng Hock nhấn mạnh 3 nhân tố cần xem xét là tính bền vững của nguồn; năng suất tỏa nhiệt ổn định; dễ nạp liệu vào lò, cỡ liệu nạp và chi phí xử lý. Trên cơ sở đó, Resourceco đề xuất nguồn nhiên liệu tiềm năng của Việt Nam chính là lớp thải, vỏ dứa, trấu, rác thải sinh hoạt, rác thải y tế... Đại diện công ty ATEC thuyết trình về hệ thống tiếp liệu trong quá trình đốt và việc sử dụng hiệu quả nhiên liệu thay thế.

Cũng tại hội thảo, các đại biểu đã được nghe thuyết trình về hệ thống phun hơi đốt phụ Clo giới thiệu công nghệ BYPASS – công nghệ tiết kiệm nhất trong sản xuất xi măng, do công nghệ này cho phép sử dụng lượng lớn nhiên liệu thứ cấp và bột liệu thô có hàm lượng clo, kiềm và lưu huỳnh; tạo lớp phủ lớn trong khu vực ống sấy lò quay và ống đổ liệu vào lò.

Phát biểu tại hội thảo, ông Hoàng Hữu Tân - Phó Vụ trưởng Vụ Vật liệu xây dựng, Bộ Xây dựng bày tỏ sự ủng hộ và hoan nghênh sáng kiến tổ chức hội thảo của Resourceco, ATEC và Readymix. Đồng thời, ông Hoàng Hữu Tân cũng hy vọng tại hội thảo lần này, các chuyên gia sẽ thảo luận và đề xuất các giải pháp công nghệ phù hợp với Việt Nam, hỗ trợ giải quyết vấn đề cấp thiết về nhiên liệu thay thế của ngành công nghiệp xi măng, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường khỏi ô nhiễm do rác thải và khí thải CO<sub>2</sub>.

Lệ Minh

## Hội nghị thẩm định Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh

Ngày 20/5/2011, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị thẩm định Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh do Viện Quy hoạch, kiến trúc xây dựng Nghệ An lập. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An Huỳnh Thanh Điền, đại diện Sở Xây dựng và các ban ngành của tỉnh; đại diện các Bộ ngành trung ương, Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam và các cơ quan chức năng thuộc Bộ Xây dựng.

Báo cáo các nội dung chính của Đồ án tại Hội nghị, Viện Quy hoạch, kiến trúc xây dựng Nghệ An - đơn vị tư vấn lập Đồ án - đã nêu lên sự cần thiết phải lập QHXD vùng Nam Nghệ An



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn chủ trì Hội nghị

- Bắc Hà Tĩnh - vùng đặc trưng nhất của Xứ Nghệ, một trong những trọng điểm phát triển kinh tế, dịch vụ du lịch của Nghệ An và Hà Tĩnh. Đây là vùng giáp ranh của 2 tỉnh, tuy



hiện nay sự kết nối giữa các khu vực trong vùng cũng như giữa hai bờ sông Lam chưa chặt chẽ, chưa gắn kết nên cần phải có quy hoạch để kết nối 2 tỉnh góp phần xây dựng kế hoạch phát triển thống nhất và đồng bộ. Sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng đòi hỏi sự khai thông hành lang kinh tế xã hội Đông - Tây tạo ra sự liên kết biển và rừng, cảng Cửa Lò, cảng Xuân Hải với khu vực phía Tây Nam Nghệ An và Tây Bắc Hà Tĩnh. Giải quyết được vấn đề kết nối các khu vực trong vùng cũng như giữa hai bờ sông Lam, QHXD vùng sẽ góp phần xây dựng vùng lớn mạnh, tạo động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Nghệ An và Hà Tĩnh.

Phạm vi lập QHXD vùng Nam Nghệ - Bắc Hà bao gồm các huyện, thị phía Nam tỉnh Nghệ An: Thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò, các huyện Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Nam Đàn, Thanh Chương và các huyện, thị phía Bắc tỉnh Hà Tĩnh: Thị xã Hồng Lĩnh, các huyện Nghi Xuân, Đức Thọ, Hương Sơn. Tổng diện tích tự nhiên của vùng: 3648,06 km<sup>2</sup>; dân số 1.398.772 người.

Mục tiêu của QHXD vùng là tạo ra không gian kinh tế liên tỉnh có sự liên kết và ảnh hưởng tương hỗ tích cực, phát triển bền vững, hình thành một vùng có môi trường đầu tư và môi trường sống chất lượng cao của khu vực. Quy hoạch cụ thể hoá các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của vùng thông qua các định hướng phát triển hệ thống đô thị, công nghiệp, dịch vụ và mạng lưới kết cấu hạ tầng diện rộng của vùng; đảm bảo sự kết nối hạ tầng trong vùng quy hoạch với hệ thống hạ tầng quốc gia và quốc tế, tạo cơ sở để liên kết chia sẻ các lợi thế về điều kiện tự nhiên, tài nguyên khoáng sản, nhân lực một cách hiệu quả nhất. Quy hoạch cũng sẽ là cơ sở kêu gọi đầu tư nhằm thúc đẩy vùng phát triển toàn diện và bền vững.

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật áp dụng trong QHXD gồm có các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành về QHXD đô thị. Các tiêu chuẩn tính toán về sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật áp dụng theo các tiêu chí đô thị từ loại III đến loại I (tùy

theo khu vực) đã được quy định tại Nghị định 42/2009/NĐ-CP và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCXDVN 01:2008/BXD.

Thực hiện Nhiệm vụ thiết kế quy hoạch đã được Bộ Xây dựng phê duyệt, đơn vị tư vấn đã xác định sự cần thiết của quy hoạch, các căn cứ pháp lý, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội vùng và dự báo các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và dân số, xác định tiền đề phát triển và đề xuất các định hướng phát triển không gian vùng, định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật, đánh giá tác động môi trường, các chương trình dự án ưu tiên đầu tư phát triển và các kiến nghị.

Về định hướng phát triển không gian, Quy hoạch đã xác định tầm nhìn và mục tiêu phát triển vùng; đề xuất các định hướng chính và các khung cấu trúc trong phát triển không gian vùng như các vùng chức năng lớn, các trục kinh tế không gian chủ đạo của vùng. Quy hoạch cũng đã đề xuất tổ chức không gian đô thị, phân cấp loại đô thị, lựa chọn hình thái, cấu trúc chức năng, quy mô các đô thị trong đó có trọng tâm là các đô thị lớn của vùng tỉnh, các đô thị hạt nhân của vùng Bắc Trung Bộ; đề xuất hệ thống không gian công nghiệp, cảng..., định hướng sử dụng đất và yêu cầu tổ chức không gian cho các tổ hợp công nghiệp - dịch vụ, các ngưỡng phát triển về quy mô, loại hình công nghiệp, các khu hoặc điểm công nghiệp gắn với địa bàn đô thị, nông thôn, vùng nông lâm nghiệp,... Ngoài ra Quy hoạch đã nghiên cứu tổ chức không gian biển đảo, dải ven biển, phạm vi phát triển các khu du lịch, các vùng bảo tồn, bảo vệ, gắn với dịch vụ du lịch biển vùng duyên hải và vùng núi phía Tây để khai thác và bảo vệ các vùng tiềm năng về cảnh quan, giá trị môi trường..., xác định mối liên kết không gian du lịch biển, núi và rừng.

Tại Hội nghị, các chuyên gia phản biện và các thành viên Hội đồng thẩm định đã bày tỏ ý kiến nhất trí với Đồ án quy hoạch, theo đó về cơ

bản Quy hoạch đã bám sát nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt, phân vùng không gian rõ ràng, tổ chức không gian hợp lý,.. Để nâng cao tính khả thi của đồ án, các ý kiến tham gia đề nghị tư vấn làm rõ, bổ sung một số nội dung liên quan đến tính chất an ninh, quốc phòng của vùng, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và sự tác động của thiên tai lên các khu dân cư; đề cập đường bộ cao tốc và đường sắt cao tốc, hệ thống đường gom vào các quốc lộ; cập nhật quy hoạch cụm công nghiệp dọc đường Hồ Chí Minh; nêu rõ động lực phát triển của vùng,...

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn - Chủ tịch Hội đồng thẩm định cho biết về cơ bản quy hoạch đã đạt được các yêu cầu của Nhiệm vụ thiết kế; Tuy nhiên để nâng cao tính khả thi của Đồ án quy hoạch, Thứ trưởng đề nghị đơn vị tư vấn tiếp thu ý kiến phản

biện và các ý kiến tham gia của Hội đồng để tiếp tục hoàn chỉnh quy hoạch trước khi trình phê duyệt. Đồng thời yêu cầu tư vấn làm rõ một số nội dung như: Đánh giá các nguyên nhân của tình trạng chậm phát triển của vùng này so với các vùng khác trong nước; quy hoạch cần khai thác tốt hơn nữa các thế mạnh của vùng và tăng cường kết nối 2 tỉnh; khi lập định hướng phát triển cần lưu ý quy hoạch phát triển trung tâm đào tạo có thể phục vụ cho cả việc xuất khẩu nhân lực và có cơ chế phát triển trung tâm này; nguồn lực phát triển vùng cần được đề cập rõ hơn; các kết luận và kiến nghị cần cụ thể hơn, bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ Đồ án trình Bộ Xây dựng để Bộ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Huỳnh Phước

## Hội thảo chuyên đề về hệ thống đỗ xe ô tô tự động

Sáng 27/5/2011 tại Hà Nội, dưới sự bảo trợ của Bộ Xây dựng, Công ty NMC (Việt Nam) và Myungsung - Highcon Co.Ltd. (Hàn Quốc) đã phối hợp tổ chức Hội thảo chuyên đề về hệ thống đỗ xe ô tô tự động.

Tham dự Hội thảo có Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn, Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Lê Đình Tiến cùng đông đảo đại biểu từ các Cục, Vụ, Viện của Bộ Xây dựng và Bộ KH&CN, các doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước.

Phát biểu chỉ đạo Hội thảo, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân cho biết trong những năm vừa qua, sự phát triển đô thị ở nước ta tăng nhanh. Đây là tín hiệu đáng mừng. Song bên cạnh đó, vấn đề ùn tắc giao thông ngày càng trở nên trầm trọng, do trong quá trình quy hoạch đô thị, quỹ đất dành cho giao thông tĩnh quá ít (chưa đến 1%, trong khi ở các nước khác là từ 3-5%). Kinh tế phát triển, phương tiện giao thông (ô tô) ngày càng nhiều mà không có bãi



*Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân phát biểu chỉ đạo tại Hội thảo*

đỗ, điều này dẫn đến tình trạng đỗ xe lộn xộn, làm giao thông ùn tắc thêm. Một vài đô thị đi theo xu hướng xây bãi đỗ xe ngầm. Tuy nhiên, xây dựng đô thị cần tiết kiệm đất. Giải pháp đỗ xe tự động là lời giải cho bài toán này, vì "không có đất vẫn đỗ được nhiều xe". Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân bày tỏ mong muốn sau hội thảo này, nhiều dự án sẽ được thực hiện trong các đô thị Việt Nam, đem lại lợi ích cho quốc gia và cho bản thân mỗi người dân là những người

thụ hưởng trực tiếp các thành quả của công nghệ tiên tiến trong tương lai.

Phát biểu tại hội thảo, Thứ trưởng Bộ KH&CN Lê Đình Tiến cũng nhấn mạnh: Bộ KH&CN luôn tạo điều kiện để các doanh nghiệp nghiên cứu áp dụng những công nghệ mới vào Việt Nam, góp phần hiện đại hóa doanh nghiệp, hiện đại hóa đất nước. Đề tài “Nghiên cứu thiết kế và triển khai hệ thống đỗ xe ô tô tự động tại Việt Nam” của công ty NMC là một dẫn chứng cụ thể.

Ngày 29/12/2006, Bộ Khoa Học Công nghệ đã ký Quyết định số 2860/QĐ-BKH&CN quyết định về việc hỗ trợ kinh phí cho đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ theo Nghị Định 119/1999/NĐ-CP giao cho Công ty TNHH cơ khí & cầu trục NMC trụ sở tại Bình Dương làm chủ nhiệm đề tài xây dựng qui trình công nghệ và xây dựng tiêu chuẩn hệ thống đỗ xe tự động tại Việt Nam. Sau một thời gian dài nghiên cứu, Công ty NMC tổ chức buổi hội thảo nhằm chính thức cung cấp những kết quả đã đạt được.

Trên thế giới, để giải quyết bài toán giúp nhà đầu tư tăng số lượng xe có thể đỗ trên diện tích nhỏ, tiền thân của hệ thống đỗ xe tự động đã ra đời từ những năm đầu thế kỷ XX. Bãi đỗ xe ô tô nhiều tầng theo kiểu dùng thang máy đưa lên tầng cao, sau đó lái xe tự lái ra tầng đỗ là kiểu đỗ xe nhiều tầng kết hợp hệ thống cơ khí đơn giản nhất, xuất hiện từ năm 1918 tại Mỹ, sau đó lan truyền sang châu Âu.

Đến năm 1964, hệ thống bán tự động ra đời tại Châu Âu (Đức & Ý), với hệ thống này thang nâng kết hợp di chuyển xe đến vị trí của tầng, nhưng vẫn cần người lái xe đưa xe vào hệ thống. Loại hình này được ứng dụng tại Nhật bản từ khoảng năm 1975. Kể từ năm 1982, hệ thống tự động hoàn toàn không cần người lái tiếp tục được phát minh tại châu Âu (đầu tiên từ Đức). Các công ty Nhật Bản nhanh chóng phát triển công nghệ này và ứng dụng rộng rãi từ năm 1985.

Theo bà Nguyễn Bảo Quỳnh, Tổng Giám đốc Cty NMC, các bãi đỗ xe thông thường tại

Việt Nam có nhiều bất tiện như dễ bị mất cắp phụ tùng xe nếu vị trí đỗ xe không lắp camera an ninh, người lái xe không có kinh nghiệm phải mất nhiều thời gian để đưa xe vào vị trí đỗ xe chật hẹp và hầu như rất khó kiểm soát khí thải và tiếng ồn khi xe di chuyển trong khu vực đỗ xe. Với những bãi xe tự lái diện tích lớn, thì lái xe lại phải mất rất nhiều thời gian để tìm chỗ đỗ hay tìm ra xe của mình. khi lấy xe. Và điều mà phần lớn nhà đầu tư quan tâm nhất là bãi đỗ xe tự lái chiếm nhiều diện tích của công trình (bình quân 25m<sup>2</sup>/01 vị trí đỗ xe bao gồm cả diện tích đường di chuyển. Hệ thống đỗ xe tự động có thể giải quyết hầu hết các bất tiện của bãi ô tô tự lái: tiết kiệm tài nguyên đất, tránh tình trạng mất cắp phụ tùng xe, xe bị trầy xước, không gây cảnh ùn tắc giao thông do xe ra vào bãi đậu, giảm ô nhiễm không khí do xe không tự vận hành trong hệ thống.



Hệ thống đỗ xe dạng tầng di chuyển

Tại Hội thảo, các đại biểu tham dự đã nghe các tham luận giới thiệu về 08 loại hệ thống đỗ xe tự động đang được áp dụng phổ biến trên thế giới; tư vấn lựa chọn hệ thống đỗ xe tự động; mối liên hệ giữa quy chuẩn quốc gia với tiêu chuẩn hệ thống đỗ xe theo đề tài nghiên cứu khoa học của Bộ Khoa học và Công nghệ; hiệu quả kinh tế và xã hội của hệ thống đỗ xe tự động.

Lệ Minh

## **So sánh hiệu quả của một số vật liệu xây tường phổ biến hiện nay ở LB Nga**

Theo các số liệu thống kê, có khoảng 40% số công trình nhà ở nhà được xây dựng hiện nay ở LB Nga là nhà thấp tầng. Khoảng chục năm trước, các công trình nhà ở ngoại ô tại các thành phố chủ yếu là nhà nghỉ mùa hè chứ không thể ở quanh năm. Còn giờ đây, các chủ sở hữu tương lai lại thích xây những ngôi nhà có đầy đủ tiện nghi, có thể ở trong cả 4 mùa và lâu dài. Đó là những ngôi nhà mà cả gia đình có thể sinh hoạt thoải mái, có thể chuyển lại cho con cháu mai sau như tài sản thừa kế. Thị trường hiện nay đã mở ra nhiều hướng lựa chọn các loại vật liệu xây dựng khác nhau (về giá cả, về tính chất sử dụng). Khi lựa chọn vật liệu xây dựng, các chủ nhân tương lai thường xác định số phận về sau của ngôi nhà cũng như điều kiện sống của gia đình. Trong bài viết này giới thiệu các loại vật liệu xây tường cơ bản thường được sử dụng trong xây dựng nhà thấp tầng.

### **Gạch bê tông bọt**

Loại vật liệu này không quá đắt, thuận tiện trong xây dựng, có nhiệt dung lớn và độ hút nước tốt. Tỷ trọng của gạch bê tông bọt dùng trong xây dựng nhà thấp tầng thường từ 500 - 600kg/m<sup>3</sup>. Độ bền nén đối với loại gạch 500kg/m<sup>3</sup> - B1, đối với gạch 600kg/m<sup>3</sup> - B2,5; Hệ số thấm 0,2mg/m.h.Pa; Tính dẫn nhiệt 0,2W/m- °C. Độ dày cần thiết của tường đơn trong điều kiện khí hậu khu vực miền trung nước Nga là 0,63m. Độ ẩm sử dụng của gạch bê tông bọt là 12%.

Thời hạn sử dụng của một ngôi nhà xây bằng gạch bê tông bọt thường khoảng vài chục năm. Các nhà sản xuất sản phẩm này khẳng định rằng những ngôi nhà xây bằng gạch bê tông bọt có thể đứng vững hàng thế kỷ. Lời khẳng định này có cơ sở, nếu gạch được sử dụng trong điều kiện lý tưởng. Trên thực tế, việc sản xuất hàng loạt không thể tạo được độ đồng đều trong cấu tạo của gạch. Độ co ngót đáng

kể của gạch, cộng với xu hướng của bê tông bọt là tạo đá xi măng từ vữa (quá trình này đồng thời với việc làm giảm thể tích) dẫn đến sự xuất hiện các vi nứt và dần dần làm gạch bị hỏng. Các nhược điểm đó sẽ làm giảm thời hạn sử dụng của gạch bê tông bọt. Sản xuất loại gạch này có thể ở bất cứ nơi nào thuận tiện - gạch bê tông bọt không đòi hỏi các thiết bị hiện đại đắt tiền, do vậy loại gạch này được sản xuất khá nhiều theo phương pháp thủ công, với nhân công rẻ. Gạch bê tông bọt rẻ hơn gạch bê tông khí từ 20 -25%, và rẻ hơn gạch nung 70 - 80%.

Gạch bê tông bọt là loại vật liệu có khối lượng thể tích nhỏ. Kích thước viên gạch loại này lớn hơn so với gạch nung, do đó giảm chi phí xây dựng. Tiếc là, các nhà sản xuất chưa nghiên cứu các nguyên liệu bổ trợ khác để kết dính và tăng tính chịu tải đối với các vị trí cần thiết. Việc cần bổ sung và áp dụng thêm các nguyên liệu này tất nhiên sẽ ảnh hưởng đến tiến độ thi công và nâng chi phí xây dựng.

Do gạch bê tông bọt lớn hơn gạch nung, nên sử dụng loại gạch này cho các cấu trúc phức tạp về mặt hình học, các dạng kiến trúc đường cong sẽ khó tạo hình hơn. Bề dày tối thiểu của các bức tường gạch bê tông bọt để có thể giữ nhiệt cho các ngôi nhà gấp 1,5 lần các bức tường gạch bê tông khí. Nếu xây nhà có cùng chiều cao, cùng tầng và cùng diện tích thì nhu cầu sử dụng gạch bê tông bọt nhiều hơn 1,5 lần so với gạch bê tông khí.

Chỉ có thể xây gạch bê tông bọt bằng vữa xi măng - cát truyền thống, do hình dạng viên gạch không có chuẩn xác cao. Mặc dù vữa xi măng cát không đắt, song nếu dùng với lượng đáng kể (điều này khó tránh khỏi do kích thước viên gạch không chuẩn), đương nhiên sẽ dẫn đến sự gia tăng chi phí xây dựng.

Thời gian gần đây, một số nhà sản xuất gạch bê tông bọt quảng cáo về loại vữa dành



cho loại vật liệu này. Tuy vậy, do kích thước không chuẩn xác nên khi xây rất tốn vữa. Để làm ra các viên gạch đảm bảo cho các bức tường có bề mặt bằng phẳng khi xây nhiều khi khá phức tạp, đồng thời kéo dài thời gian xây dựng. Bên cạnh đó, nếu quy trình sản xuất không đảm bảo tiêu chuẩn thì gạch hay vỡ và bị phá vỡ do các lỗ khí trong viên gạch phân bố không đều nhau. Chi phí cho việc xây xếp các viên gạch loại này ít hơn 2 – 2,5 lần so với việc xây bằng các viên gạch nung thông thường, song lại cao hơn 3 lần so với chi phí xây gạch bê tông khí.

Độ co ngót của gạch bê tông khí bọt tương đối đáng kể, khoảng 2-3mm/m. Hậu quả : nguy cơ tạo các khe nứt và mức độ phân tán của chúng khá cao. Các sản phẩm bê tông bọt trên thị trường xây dựng hiện nay thường để độ ẩm thoát ra đến 25%. Để chỉ số độ ẩm của gạch nhích lại gần hơn với chỉ số sử dụng (gần 12%), cần có một khoảng thời gian đáng kể. Trước khi tiến hành các công việc hoàn thiện bên trong và bên ngoài phải ít nhất một năm không chỉnh sửa, nếu không lớp trát sẽ bong tróc khỏi tường. Chỉ số thấm cao do cấu tạo tổ ong của gạch không giống nhau sẽ làm cho tường dễ bị đóng băng giảm tuổi thọ của ngôi nhà

Nhà xây bằng gạch bê tông bọt thân thiện với môi trường. Các bức tường cho hơi nước và không khí thấm qua, không tạo ra các chất độc hại. Trong những ngôi nhà như vậy mùa hè khá mát mẻ. Mùa đông nhà được sưởi ấm trong vài giờ. Các khe hở tương đối giữa các viên gạch khi xây có thể làm cho tường chỗ ẩm chỗ khô, sẽ có những mảng tường bị ẩm và sinh nấm mốc. Quá trình hoàn thiện bên trong và bên ngoài nhà được thực hiện bằng các vật liệu có tính thấm. Việc lựa chọn các vật liệu để hoàn thiện bên trong cần phải tính toán, vì gạch bị co ngót nên khả năng tạo khe hở rất lớn. Nhất thiết phải có sự hoàn thiện bên ngoài. Tác động của mưa gió cùng với tính thấm cao của gạch bê tông bọt khiến cho các bức tường xây bằng loại gạch này chóng xuống cấp.

## Gạch bê tông khí

Gạch bê tông khí có tính thẩm thấu cao và dung nhiệt lớn, thành phần không có chất độc hại. Tỷ trọng trung bình của gạch bê tông khí sử dụng trong xây nhà thấp tầng là 400-500kg/m<sup>3</sup>. Độ ẩm sử dụng: 4-5%. Hệ số thấm 0,2mg/m.h.Pa. Độ bền nén đối với gạch bê tông khí có tỷ trọng 400kg/m<sup>3</sup> - B2,5; đối với gạch loại 500kg/m<sup>3</sup> - B3,5. Tính dẫn nhiệt: 0,09-0,14W/m-<sup>0</sup>C. Độ dày cần thiết của tường đơn trong điều kiện khí hậu miền trung nước Nga là 0,4m.

Một khối gạch bê tông khí đắt hơn một khối gạch bê tông bọt từ 20 -25%, và rẻ hơn một khối gạch nung từ 25 -30%. Nếu xây dựng các ngôi nhà có cùng chiều cao, số tầng và cùng diện tích bằng 2 loại gạch trên thì số gạch bê tông bọt cần dùng sẽ nhiều hơn 1,5 lần số gạch bê tông khí. Cuối cùng, nhà xây bằng gạch bê tông khí sẽ rẻ hơn nhờ giảm được một lượng gạch cần thiết và nhờ một số điểm khác nhau trong công nghệ xây dựng.

Chu trình công nghệ để sản xuất gạch bê tông khí bao gồm những công đoạn phức tạp, do vậy việc sản xuất không thể tiến hành nếu thiếu các thiết bị đắt tiền hiện đại. Điều này đồng nghĩa với việc không thể sản xuất gạch bê tông khí bằng phương pháp thủ công. Các nhà máy công nghiệp lớn sản xuất loại gạch này theo các tiêu chuẩn do Nhà nước quy định đối với vật liệu xây dựng. Cho dù các nhà máy này có thể nằm xa vị trí công trình, thì giá thành thực tế của gạch cũng không bị ảnh hưởng bởi khoảng cách đó, việc này bắt nguồn từ chính sách của các nhà máy gạch. Việc mua gạch thẳng từ kho khiến người tiêu dùng phải chi nhiều hơn từ 10 -12% so với việc vận chuyển gạch từ nơi sản xuất đến địa điểm xây dựng.

Gạch bê tông khí có tuổi thọ khá dài. Công nghệ ứng dụng trong quá trình sản xuất đảm bảo các lỗ khí được phân bố đều nhau. Các viên gạch đồng đều, do vậy những tác động từ bên ngoài không thể phá hỏng viên gạch. Hơn nữa, loại gạch này hầu như không co ngót, bảo

đảm các kẽ nứt và các lỗ hổng có thể khiến gạch hư hỏng gần như không xuất hiện. Những ngôi nhà đầu tiên xây bằng gạch bê tông khí cách đây đã hơn 80 năm. Gạch xây cho tới nay vẫn duy trì được cấu trúc của mình và chưa có biểu hiện xuống cấp.

Gạch bê tông khí rất nhẹ. Xây bằng loại vật liệu này không cần các thiết bị nâng chuyên dụng. Kích thước của các viên gạch bê tông khí lớn hơn gạch nung. Trong quá trình xây xếp, khối lượng thao tác giảm 15-20 lần so với xây xếp gạch nung. Tất cả những điều trên sẽ giúp giảm chi phí xây dựng. Các thao tác cần thiết để xây tường gạch bê tông bọt và gạch bê tông khí cũng không khác nhau. Tuy nhiên, độ dày đáng kể của viên gạch bê tông bọt và trọng lượng lớn hơn của nó làm công việc khó khăn hơn. Bản thân công nghệ xây dựng 2 loại gạch này cũng có sự khác nhau.

Các mạch vữa mỏng không chỉ giúp giảm chi phí xây dựng, mà còn giảm chi phí để duy trì nhiệt lượng cho ngôi nhà. Một phần nhiệt của ngôi nhà bị thất thoát thông qua các mạch vữa trên tường. Việc xây tường với các mạch vữa mỏng (1-3mm) sẽ bảo đảm cho tường khả năng giữ nhiệt tốt. Các tường gạch bê tông khí được xây theo công nghệ mạch vữa mỏng sẽ không cần lớp giữ nhiệt, nhờ có nhiệt dung lớn và khoảng cách tối thiểu giữa các viên gạch. Điều này giúp giảm chi phí xây dựng công trình, do vật liệu cách nhiệt cũng như việc xây dựng các tòa nhà có chức năng cách nhiệt không còn cần thiết nữa.

Gạch bê tông khí cũng khá thân thiện với môi trường, giống như loại vật liệu xây dựng hoàn toàn từ thiên nhiên là gỗ. Các viên gạch bê tông khí không chứa thành phần độc hại có liên kết không vững bền. Gạch có tính thẩm thấu tốt, làm cho các bức tường “thở” thoải mái; qua đó hơi nước cũng như các chất độc hại, axit carbonic thừa thoát ra ngoài, và tiếp nhận vào trong nhà không khí trong lành, giàu oxy. Trong ngôi nhà gạch bê tông khí, mùa đông luôn ấm áp, mùa hè mát mẻ. Sàn và tường nhà luôn ấm.

Độ co ngót của gạch bê tông khí không đáng kể, chỉ khoảng 0,3mm/m. Vì vậy, ngoại trừ sự biến dạng ngoài do hiện tượng lún không đều và tùy theo công nghệ xây dựng được áp dụng, các vết nứt trên bề mặt gạch xuất hiện ít hơn nhiều so với gạch bê tông bọt. Loại gạch này hầu như không co ngót, có thể tiến hành các công việc hoàn thiện bằng các vật liệu thẩm thấu mà không cần đợi cho độ ẩm của gạch giảm xuống gần ngưỡng độ ẩm sử dụng.

Độ ẩm sử dụng của các sản phẩm bê tông khí là 4-5%. Độ ẩm giới hạn - mà nếu vượt quá gạch có nguy cơ bị hư hỏng - đối với gạch bê tông khí có tỷ trọng  $400\text{kg/m}^3$  là 45-50%. Những chỉ số tương tự đối với gạch bê tông khí tỷ trọng  $500\text{kg/m}^3$  là 40%. Để đạt được chỉ số độ ẩm cao như vậy trên thực tế rất khó. Độ ẩm không khí thường thấm vào sâu từ 2-3 cm và nhanh chóng thoát ra khỏi gạch nhờ tính thẩm thấu cao của nó.

Khi gạch không bị hư hỏng, nhà xây bằng gạch bê tông khí dễ hoàn thiện bên ngoài hơn cả, tức là tính thẩm mỹ của ngôi nhà tăng lên. Để hoàn thiện bên ngoài và bên trong ngôi nhà xây bằng gạch bê tông khí, có thể sử dụng bất cứ loại vật liệu nào. Cái chính là vật liệu đó có tính thẩm thấu cao, không ngăn cản các bức tường “thở”. Để trát mặt ngoài, tốt hơn cả là sử dụng lớp trát đặc biệt tạo điều kiện trao đổi hơi nước nhanh chóng qua tường.

### **Gạch bê tông Polistrirol**

Bê tông polistrirol khác với bê tông khí chung áp và bê tông khí ở trọng lượng nhỏ, và đặc tính cách nhiệt tốt của loại gạch này được bảo đảm bằng sự phân chia cân bằng các hạt polistrirol theo thể tích từng viên gạch. Việc đưa chất polyme vào thành phần vật liệu bảo đảm độ dẻo cao của bê tông, đồng thời cũng đưa nó ra khỏi danh sách các vật liệu xây dựng tự nhiên. Tỷ trọng trung bình của gạch bê tông polistrirol thích hợp nhất cho việc xây dựng nhà thấp tầng là  $400-500\text{kg/m}^3$ . Độ ẩm sử dụng : 4-8% theo khối lượng. Hệ số thấm - 0,05mg/m.h.Pa. Độ bền nén đối với gạch bê tông

polistrirol tỷ trọng  $400\text{kg/m}^3$  là B1, đối với bê tông tỷ trọng  $500\text{kg/m}^3$  - B2. Độ dày cần thiết của tường đơn trong điều kiện khí hậu miền trung nước Nga là 0,4m.

Thể tích viên gạch bê tông polistrirol nhỏ hơn khoảng 5% so với gạch bê tông khí. Giá thành một  $\text{m}^2$  tường từ hai loại vật liệu này như nhau. Khác với gạch bê tông bọt – vốn không bắt lửa và không duy trì sự cháy, hay khác với gạch bê tông khí – loại vật liệu trong vài giờ sẽ bảo vệ căn phòng khỏi tác động một chiều của ngọn lửa, gạch bê tông polistrirol không được xếp vào loại vật liệu hoàn toàn chống cháy. Ở nhiệt độ sôi, các hạt polistrirol bắt đầu nóng chảy, giải phóng các mối liên kết không có lợi ra môi trường xung quanh. Độ bền của gạch giảm dần theo số lượng hạt bị phá hủy.

Để sản xuất ra gạch bê tông polistrirol cũng như gạch bê tông bọt, không cần các trang thiết bị đắt tiền, có tính chính xác cao cũng như các tổ hợp công nghiệp lớn. Loại gạch này được sản xuất nhiều bằng các máy móc nhỏ mà vận hành chúng chỉ cần 5-10 người. Có thể sản xuất theo phương pháp thủ công, song hậu quả là - cách pha chế tự do thái quá cộng với việc thiếu kiểm soát tính chất của sản phẩm làm ra dẫn đến chất lượng của gạch bị giảm rõ rệt, không đáp ứng được yêu cầu về tiêu chuẩn vật liệu xây dựng mà nhà nước quy định.

Sản xuất gạch thủ công còn tiềm ẩn một mối nguy hại khác khi đặc tính sử dụng của gạch bị kém đi. Trong hỗn hợp để sản xuất ra gạch bê tông polistrirol, các công nhân đã pha thêm vào đó phụ gia biến tính, do đó tính sinh thái của gạch giảm mất. Việc chuyên chở gạch từ các nhà máy lớn cách xa địa điểm xây dựng trên thực tế làm tăng giá thành gạch. Gạch bê tông polistrirol có tuổi thọ ngắn hơn bê tông khí và bê tông bọt. Loại gạch này sẽ bắt đầu bị hư hỏng sau 15 -20 năm sử dụng. Các nhà xây dựng khuyến cáo không nên dùng gạch bê tông polistrirol cho các công trình có thời gian sử dụng trên 50 năm. Gạch bê tông polistrirol, cũng như gạch bê tông khí và gạch bê tông bọt,

có kích thước lớn và khối lượng riêng nhỏ. Điều này cho phép tiết kiệm chi phí vận chuyển (không cần sử dụng phương tiện đặc biệt) và chi phí xây xếp (do giảm khối lượng thao tác). Trên tường gạch bê tông polistrirol, theo trình tự bắt buộc, cần có một lớp vữa xi măng cát bên ngoài. Bề dày lớp vữa này ít nhất 15mm, bề dày lớp vữa bên trong ít nhất 20mm làm cho chi phí xây dựng công trình tăng lên.

Tường gạch bê tông polistrirol có thể được xây dựng theo công nghệ xếp tạo mạch vữa mỏng. Vữa trét vào các khe này được trộn ngay tại nơi xây dựng và có polistrirol sủi, nước, xi măng và một số phụ gia đặc biệt trong thành phần vữa. Độ sai lệch (dung sai) của mặt viên gạch là  $\pm 2\text{mm}$ , tức là cao hơn 2 lần độ sai lệch về kích thước của viên bê tông khí ( $\pm 1\text{mm}$ ). Tính chưa chuẩn xác của kích thước các viên gạch khiến các mạch vữa giữa các viên gạch rộng hơn, tạo nên các cầu lạnh. Gạch bê tông polistrirol dễ chế tạo, bởi vậy tính cân đối khi xây xếp được bảo đảm, tuy nhiên việc này làm tăng khối lượng công việc và kéo chi phí xây dựng tăng lên.

Tường xây bằng gạch polistrirol có khả năng cho hơi nước, ô xy và khí carbon thoát ra, song khả năng này kém hơn gạch bê tông khí tới 4 lần. Tính thấm thấu cũng kém hơn. Trong gạch có lượng lớn bê tông polistrirol và có hóa chất biến tính bổ sung, nên không thể so sánh việc xây nhà bằng loại gạch này với việc xây nhà bằng gỗ (xét về tính chất sinh thái). Độ co ngót của gạch –  $1\text{mm/m}$  (gấp 3 lần gạch bê tông khí). Gạch bền vững trước tác động của nấm mốc cũng như các chất vi sinh khác nhờ có phụ gia được bổ sung thêm vào hỗn hợp nguyên liệu trong quá trình chế tạo.

### **Gạch bê tông keramzit**

Gạch bê tông keramzit thuộc nhóm bê tông nhẹ, dù có khối lượng thể tích tương đối lớn, gấp 1,5 - 2 lần khối lượng thể tích của 3 loại gạch trên. Gạch được làm từ hạt keramzit, cát, xi măng và một số chất phụ gia tạo bọt. Keramzit là sản phẩm nung của loại đất pha sét để nung

chảy, có dạng là những hạt nhỏ thân rỗng từ đất sét nung. Trong quá trình sản xuất gạch bê tông keramzit, những hạt này kết dính lại với nhau tạo nên loại vật liệu bền, sạch về mặt sinh thái và tương đối nhẹ.

Tỷ trọng của gạch bê tông keramzit ứng dụng trong xây dựng nhà thấp tầng là 700 - 1200kg/m<sup>3</sup>. Độ ẩm sử dụng : 5-7%. Hệ số thẩm - 0,08mg/m.h.Pa. Độ bền nén – B3,5. Độ dày cần thiết của tường đơn trong điều kiện khí hậu miền trung nước Nga từ 0,9 -1,5m; tùy vào hình dạng viên gạch.

Trong quá trình sản xuất gạch bê tông keramzit, người ta sử dụng các phần sỏi và đá dăm khác nhau : 5-10, 10-20, 20-40mm. Các viên gạch làm ra có thể nguyên khối hoặc thân rỗng. Các viên gạch thân rỗng thường được sử dụng để xây tường, còn gạch nguyên khối - để xây lò, ống khói. Công nghệ sản xuất loại gạch này nói chung đơn giản – chỉ cần máy trộn bê tông và khuôn gạch. Do việc sản xuất quá đơn giản nên trên thị trường xuất hiện số lượng lớn gạch được làm theo phương pháp thủ công. Thông thường, gạch keramzit ra đời tại các cơ sở nhỏ thường được chế tạo không tuân theo quy trình công nghệ chuẩn, do vậy chất lượng thế nào là vấn đề không cần bàn.

Các đặc tính của gạch bê tông keramzit (ngay cả trong điều kiện sản xuất tại các nhà máy lớn) khác nhau tới mức các nhà xây dựng khuyên nên cân gạch trước khi mua để xác định có bao nhiêu phần keramzit trong viên gạch.

Gạch bê tông keramzit nặng hơn so với bê tông xốp (bê tông tổ ong) và bê tông polistrirol. Khối lượng lớn nên giá thành gạch trên thực tế tăng lên do chi phí vận chuyển tăng, thậm chí cả khi việc sản xuất gạch được tổ chức gần địa điểm xây dựng. Ngoài ra, còn một hệ quả nữa khi gạch có khối lượng lớn sẽ làm tăng tải trọng lên móng nhà. Cho dù nhẹ hơn gạch nung, việc xây nhà bằng gạch bê tông keramzit trên móng nhẹ cũng không được phép. Độ dày cần thiết của tường đơn trong điều kiện khí hậu vùng

trung Nga là 1- 1,5m Trên thực tế người ta không xây tường có độ dày như vậy. Để bù lại nhiệt lượng bị thất thoát, hàng loạt công việc nhằm mục đích duy trì nhiệt lượng cho ngôi nhà được tiến hành. Theo các tiêu chuẩn và quy phạm xây dựng mới, độ dày tường gạch bê tông keramzit trong điều kiện vùng trung Nga tối thiểu 0,64m.

Gạch bê tông keramzit có kích thước lớn hơn gạch nung một chút, song lại khá nhỏ so với 3 loại gạch kể trên. Khối lượng viên gạch lớn hơn có nghĩa là cần áp dụng những phương tiện chuyên dụng để vận chuyển - phân phối gạch. Kích thước nhỏ của các viên gạch và độ dày đáng kể của các bức tường làm gia tăng lượng công việc xây xếp, kết quả là giá thành công trình bị đẩy lên.

Giá thành của viên gạch bê tông keramzit cao hơn từ 20-50 % so với gạch bê tông khí. Vì giá vật liệu tăng (có tính chi phí vận chuyển và dự trữ cả số lượng gạch cần thiết), giá thành một m<sup>2</sup> tường gạch keramzit (không tính chi phí cách nhiệt và chi phí lao động) gần gấp đôi so với một m<sup>2</sup> tường gạch bê tông khí. Nếu tính cả chi phí công thợ xây, sự chênh lệch sẽ rất đáng kể. Gạch bê tông keramzit làm từ những nguyên liệu chất lượng tốt và với công nghệ thích hợp sẽ có tuổi thọ lâu dài. Nhà xây bằng loại gạch này có thể đứng vững trong vòng 50 năm, thậm chí 100 năm mà không có dấu hiệu bị xuống cấp. Tiếc là trong thực tế, thời hạn sử dụng của một ngôi nhà thường giảm đi do thiếu phù hợp giữa chất lượng tính toán và chất lượng thực tế của gạch.

Xây nhà bằng gạch bê tông keramzit bắt buộc cần các yếu tố giữ nhiệt bổ sung, vì gạch sở hữu tính cách nhiệt không được tốt. Chi phí cho việc xây dựng tăng lên nhiều do cần phải có các vật liệu cách nhiệt cũng như các công việc để cách nhiệt cho ngôi nhà.

Hệ số dẫn nhiệt của gạch bê tông keramzit cao hơn so với gạch bê tông khí, bê tông bọt và bê tông polistrirol. Điều này không chỉ làm tăng



chi phí cho việc sưởi ấm ngôi nhà mà còn giảm mức tiện nghi của ngôi nhà. Tính thấm của gạch bê tông keramzit tuy không đạt chỉ số như của bê tông khí hay gỗ, nhưng cao hơn so với gạch bê tông polistrirol. Tuy nhiên, do vật liệu cách nhiệt thường không cho hơi nước thấm qua, nên khi sử dụng các vật liệu này, tính thấm của tường gạch bê tông keramzit nhiều khi bị kém đi.

### Gạch đất sét nung

Cũng như gỗ, gạch đất sét nung là loại vật liệu truyền thống để xây nhà thấp tầng. Dù trên thị trường ngày nay đã xuất hiện nhiều loại gạch khá hiện đại, tiện lợi và rẻ hơn, nhưng gạch đất sét nung vẫn được dùng phổ biến, tùy thuộc phần lớn ở mức độ đa dạng, chứ không hẳn là tính chất sử dụng của gạch.

Tỷ trọng của gạch đất sét nung thường là  $2000\text{kg/m}^3$ ; của gạch keramic là  $1000\text{kg/m}^3$ ; gạch silicat thường  $1780\text{kg/m}^3$ ; gạch silicat rỗng là  $1400\text{kg/m}^3$ . Độ ẩm sử dụng :6-8%. Hệ số thấm của gạch thân rỗng (gạch đất sét nung và silicat) –  $0,11\text{mg/m.h.Pa}$ ; của gạch thường –  $0,15\text{mg/m.h.Pa}$ . Tính dẫn nhiệt từ gạch rỗng :  $0,44\text{ W/m}^\circ\text{C}$ ; của gạch thường :  $0,81\text{ W/m}^\circ\text{C}$ . Độ dày cần thiết của tường đơn không có biện pháp giữ nhiệt trong điều kiện khí hậu trung miền Trung nước Nga là hơn 2,5m. Độ dày tối thiểu của tường để giữ nhiệt – 0,52m.

Giá thành gạch nung cao hơn gạch bê tông khí từ 1,3 -1,5 lần. Chi phí xây dựng tăng dẫn đến giá một  $\text{m}^2$  tường gạch nung truyền thống (không có vật liệu giữ nhiệt) sẽ đắt hơn một  $\text{m}^2$  tường gạch bê tông khí tới 2 lần. Sản xuất gạch nung có thể tiến hành ở mọi nơi – từ nhà máy lớn đến các cơ sở nhỏ, điều hành sản xuất nhiều khi chỉ cần 1 người và không đòi hỏi trình độ chuyên môn cao. Sản xuất đơn giản cộng thêm giá thành của các xí nghiệp nhỏ thấp - đó là lý do xuất hiện trên thị trường một lượng lớn gạch nung được sản xuất theo phương pháp thủ công.

Gạch nung là loại vật liệu nặng. Khối lượng

lớn của viên gạch làm gia tăng đáng kể giá thành thực tế, khiến gạch nung trở nên đắt hơn. Do không được đóng gói (khác với gạch bê tông khí, khi xuất xưởng luôn được đóng gói cẩn thận) nên xuất hiện lượng vụn gạch lớn. Cho dù các nhà máy lớn cũng sản xuất gạch nung, nhiều nhà xây dựng và kiến trúc Nga vẫn không hài lòng với chất lượng của gạch. Họ nhận ra những điều không phù hợp của đặc tính kỹ thuật với tiêu chuẩn nhà nước quy định, do bên trong gạch có nhiều lỗ rỗng, làm giảm thời hạn sử dụng của gạch. Để thay thế, các chuyên gia khuyến khích các chủ nhà tương lai nên dùng gạch nhập khẩu. Giá thành của gạch nhập khẩu làm tăng chi phí xây dựng đến vài lần. Một mẻ gạch chất lượng cao sản xuất tại vùng Ban Tích hay tại Đức có giá 4-5 USD /viên.

Trong xây nhà thấp tầng, gạch nung có kích thước nhỏ nhất so với các loại gạch khác. Để xây xếp một bức tường gạch nung cần thực hiện các thao tác nhiều gấp 15-20 lần so với xây gạch bê tông khí và bê tông bọt. Độ dày tường để có thể bảo đảm chế độ nhiệt thích hợp trong điều kiện khí hậu miền trung nước Nga – hơn 2,5m. Một con số để so sánh: độ dày chuẩn của tường gạch bê tông khí là 0,4m; của gạch bê tông bọt là 0,63m; của gạch bê tông keramzit là 1-1,5m. Trên thực tế, tường gạch có độ dày 2,5m trong xây nhà biệt thự và xây nhà nói chung là không thể có. Tuy nhiên, tính dẫn nhiệt cao của gạch nung khiến người ta phải tính đến việc tiến hành một loạt các công việc để duy trì nhiệt lượng cho ngôi nhà. Nhà xây bằng gạch nung không thích hợp để nghỉ theo mùa, do gạch hút ẩm rất nhanh. Nếu mùa đông nhà không được sưởi ấm hoặc không được sưởi ấm thường xuyên, các bức tường sẽ bị ẩm và bắt đầu bị hư hỏng. Một ngôi nhà xây bằng gạch nung nếu được sưởi ấm thường xuyên có thể tồn tại tới 100 năm hoặc hơn nữa./.

Nguồn: [www.yandex.ru](http://www.yandex.ru)

ND: Lê Minh

## **Công ty cổ phần LICOGI 18 kỷ niệm 50 năm ngày thành lập và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhất lần thứ 2**

Ngày 18/5/2011 tại Hà Nội, Cty cổ phần Đầu tư và xây dựng số 18 - LICOGI 18 đã long trọng tổ chức Lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhất lần thứ 2. Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Đức Kiên đã đến dự và phát biểu tại buổi Lễ

Tham dự buổi Lễ còn có Bí thư Trung ương Đảng Nguyễn Thị Kim Ngân - Bộ trưởng Bộ Lao động, thương binh và xã hội; Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân; đại diện lãnh đạo Công đoàn Xây dựng Việt Nam, các Hội và Hiệp hội ngành Xây dựng, các doanh nghiệp trong và ngoài ngành; HĐQT, Ban giám đốc T Cty LICOGI và các Cty thành viên của LICOGI; HĐQT, Ban giám đốc và lãnh đạo các phòng, ban, các đơn vị trực thuộc của LICOGI 18 thay mặt cho trên 2000 CBCNV và lao động đang hoạt động trên khắp mọi miền của đất nước.

Thành lập ngày 19/5/1961 với tên gọi ban đầu là Cty Kiến trúc Uông Bí và từ năm 2006 đến nay chuyển đổi thành Cty Cổ phần đầu tư và xây dựng số 18, hiện LICOGI 18 thực hiện quản lý điều hành theo mô hình Cty mẹ - Cty con với 8 đơn vị thành viên, đảm nhận sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực: Thi công xây lắp dân dụng và công nghiệp, thủy điện, nhiệt điện, sản xuất VLXD, du lịch khách sạn và đầu tư kinh doanh bất động sản.

Theo báo cáo của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Cty Đặng Văn Giang, trải qua nửa thế kỷ xây dựng và phát triển, LICOGI 18 đã trở thành một đơn vị có truyền thống và uy tín cao trong ngành Xây dựng, là một trong những đơn vị nòng cốt trong T Cty LICOGI.

Có thể nói LICOGI 18 là đơn vị đã trưởng thành trong sản xuất và chiến đấu. Thời gian đầu Cty được giao nhiệm vụ xây dựng các công



*Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Đức Kiên phát biểu tại buổi Lễ*

trình công nghiệp, dân dụng, quốc phòng...ở miền Đông Bắc của Tổ quốc. Nổi bật trong đó là Nhà máy nhiệt điện Uông Bí I (công suất 155 MW), đây là công trình trọng điểm của quốc gia vào thời kỳ đầu xây dựng CNXH, đồng thời triển khai xây dựng các công trình quan trọng khác như Nhà máy cơ khí Uông Bí, Bệnh viện đa khoa Uông Bí, Nhà máy sàng than Cửa Ông,... Điều kiện lao động, đời sống hết sức khó khăn nhưng CBCNV Cty vẫn xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ được giao, sớm đưa công trình vào phục vụ sản xuất.

Trong những năm chống chiến tranh phá hoại của không quân Mỹ, chi viện cho cuộc đấu tranh thống nhất đất nước, CBCNV Cty vừa bám trụ sản xuất vừa chiến đấu bảo vệ nhà máy, công trình vừa phục vụ chiến đấu, tham gia chi viện cho miền Nam. Với những đóng góp và hy sinh ấy, LICOGI 18 đã được phong tặng danh hiệu đơn vị "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân".

Vào những năm 1980 - 1986 Cty được Nhà nước giao nhiệm vụ làm Tổng thầu thi công xây lắp Nhà máy nhiệt điện Phả Lại I - một công trình năng lượng lớn, tiến độ thi công khẩn trương được Nhà nước xác định là công trình

trọng điểm số 1 của đất nước, công trình thanh niên cộng sản tiêu biểu của tuổi trẻ cả nước. Trong khoảng thời gian ngắn, bằng lao động bền bỉ và sáng tạo, CBCNV Cty đã cùng với các lực lượng tham gia trên công trường hoàn thành xây lắp 4 tổ máy tổng công suất 440 MW, đạt chất lượng và đảm bảo các thông số kỹ thuật được Chủ đầu tư và chuyên gia Liên Xô đánh giá cao. Bên cạnh đó, Cty còn tham gia thi công nhiều công trình tiêu biểu của cả nước trong giai đoạn đó như: Thủy điện Hòa Bình, thủy điện Trị An...

LICOGI 18 cũng là một Cty hoạt động vững vàng trong cơ chế thị trường. Tháng 10/1995, thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Xây dựng, Cty Xây dựng số 18 đã được sáp nhập vào Liên hiệp Các xí nghiệp Thi công Cơ giới để thành lập TCty Xây dựng và Phát triển hạ tầng - LICOGI. Chủ trương này đã tiếp thêm sức mạnh và tạo đà cho sự phát triển đi lên của Cty. Bằng cơ chế và giải pháp thích hợp đồng thời phát huy sức mạnh nội lực, LICOGI 18 đã mở rộng thị trường ra 10 tỉnh thành phía Bắc, liên tục thắng thầu nhiều công trình có quy mô đầu tư lớn, trong đó có 27 dự án có vốn liên doanh và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và hàng trăm hạng mục công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, nông nghiệp và kết cấu hạ tầng khác với tổng giá trị thực hiện hàng nghìn tỷ đồng như: Nhiệt điện Phả Lại II, nhiệt điện Uông Bí; khách sạn Horison, bệnh viện Bạch Mai mở rộng, cảng Cái Lân; thủy điện Sơn La, A Vương, tổng thầu thủy điện Bắc Hà... Năm 2000, với những thành tích lao động sáng tạo, liên tục nhiều năm hoàn thành xuất sắc các mục tiêu kinh tế, LICOGI 18 đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu "Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới".

Trong thời kỳ chuyển đổi sang cơ chế kinh tế thị trường, với LICOGI 18 việc làm luôn là vấn đề bức xúc. Thực hiện mục tiêu hàng đầu là tạo ra nhiều việc làm gắn với thu nhập của người lao động và hiệu quả kinh tế cùng lợi ích xã hội, Cty đã đẩy mạnh khai thác các dự án, đổi mới



*Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Đức Kiên gắn Huân chương Độc lập hạng Nhất lên lá cờ truyền thống của Công ty CP Licogi 18*

công nghệ xây lắp, mạnh dạn đầu tư sản xuất VLXD, kinh doanh khách sạn - du lịch và các dịch vụ khác nên cơ bản đã đảm bảo được việc làm ổn định cho CBCNV và tạo thêm việc làm thời vụ cho trên 1.000 lao động ngoài xã hội.

Để thích ứng với cơ chế thị trường và yêu cầu của thời kỳ CNH, HĐH đất nước, trong những năm qua Cty đã đầu tư đổi mới thiết bị và xây dựng cơ sở vật chất trên 750 tỷ đồng. Với phương châm đa dạng hoá ngành nghề, mở rộng sản xuất kinh doanh Cty đã mạnh dạn mở rộng đầu tư sang lĩnh vực xây dựng cầu đường. Do đầu tư đúng hướng và có trọng điểm nên đã phát huy hiệu quả tốt, tăng năng suất, hạ giá thành sản phẩm, bảo đảm chất lượng, tiến độ công trình góp phần cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

Từ năm 1995 đến nay Cty đã có 14 công trình đạt Huy chương Vàng chất lượng cao ngành Xây dựng trong đó Trung tâm Hội nghị quốc gia và Nhà thi đấu Hải Dương được bình chọn là công trình tiêu biểu.

Phong trào phát huy sáng kiến hợp lý hoá sản xuất và ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất xây lắp đã trở thành khâu then chốt để tăng hiệu quả và nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường xây dựng.

Từ năm 2000 trở lại đây, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm là 19%, nộp ngân sách nhà nước hàng năm từ 10%-15%, lợi nhuận tăng từ

14% - 16%, thu nhập bình quân của người lao động tăng 20%. Tổng doanh thu và thu nhập tăng từ gần 338 tỷ đồng năm 2006 lên gần 689 tỷ đồng vào năm 2010.

Cấp uỷ và đoàn thể các cấp đã thường xuyên làm tốt công tác chính trị tư tưởng trong đảng viên, CBCNV, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt các chính sách và quy chế dân chủ cơ sở để tạo nên sức mạnh tổng hợp, vững vàng trong cơ chế mới, liên tục phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Năm 2005 đánh dấu bước ngoặt mới trong chặng đường phát triển, Cty hoàn thành công tác cổ phần hóa, chính thức mang tên Cty CP Đầu tư và Xây dựng số 18 - LICOGI 18, mở ra giai đoạn mới - phát triển bền vững hướng tới tương lai. Từ năm 2007, LICOGI 18 đã tiến hành cổ phần hóa toàn bộ các xí nghiệp và chi nhánh của mình thành các Cty CP và chuyển sang hoạt động theo mô hình Cty mẹ - Cty con gồm: Cty mẹ và 8 Cty con, 4 Cty liên kết.

Trong những năm tới, Cty đặt mục tiêu phát triển bền vững, phấn đấu duy trì ổn định năng lực sản xuất với mức tăng trưởng từ 15 -20%, hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước, đảm bảo mức trả cổ tức từ 18-20% đồng thời không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

Với những đóng góp trong 50 năm qua, LICOGI 18 đã nhận được nhiều phần thưởng, danh hiệu cao quý của Đảng và Nhà nước trao tặng: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới; Huân

chương Độc lập hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba, Huân chương Lao động và nhiều danh hiệu khen thưởng khác.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhân kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống, LICOGI 18 vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập lần thứ 2.

Thay mặt Đảng và Nhà nước, đồng chí Nguyễn Đức Kiên - Phó Chủ tịch Quốc hội đã trao tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất cao quý cho tập thể CBCNV Cty.

Phát biểu tại buổi Lễ, Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Đức Kiên đánh giá cao và nhiệt liệt biểu dương các thành tích mà tập thể CBCNV và lao động của Cty đã đạt được trong nửa thế kỷ liên tục phấn đấu vượt qua các khó khăn, thách thức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Đồng chí đã chia sẻ với LICOGI 18 những nhiệm vụ cụ thể, bày tỏ sự tin tưởng và hy vọng trong giai đoạn phát triển tới tập thể CBCNV và lao động của LICOGI 18 sẽ tiếp tục sáng tạo và thành công.

Việc Nhà nước trao tặng LICOGI 18 Huân chương Độc lập hạng Nhất lần thứ 2 là sự cổ vũ và động viên to lớn đối với tập thể CBCNV của Cty trên con đường hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, xây dựng Cty trở thành thành viên đứng đầu trong T Cty LICOGI và đứng trong top những Cty hàng đầu của ngành Xây dựng Việt Nam trong lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp, giao thông.

**Huỳnh Phước**

## **Bàn về việc chứng nhận và quản lý sản phẩm công trình xây dựng**

Mấy năm gần đây, dưới tác dụng của chính sách thúc đẩy nhu cầu trong nước và kinh tế thị trường, đầu tư cho các công trình hạ tầng như đường sắt cao tốc, công trình công cộng đô thị, nhà ở... ở Trung Quốc tăng trưởng mạnh mẽ,

các doanh nghiệp thi công xây dựng phát triển đáng kể, đặc biệt là do tăng cường thực hiện chính sách tiết kiệm năng lượng và giảm bớt phát thải, việc ứng dụng rộng rãi vật liệu xây dựng tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường



và bình xét công trình xây dựng thân thiện với môi trường được quan tâm coi trọng chưa từng thấy. Tuy nhiên, bên cạnh hoạt động xây dựng phát triển mạnh mẽ, các tầng lớp nhân dân trong xã hội quan tâm tới vấn đề chất lượng công trình vẫn có những ý kiến phàn nàn về các “công trình xây dựng có tuổi thọ ngắn” như nhà lệch, nhà xiêu, nhà nghiêng...đó là những công trình mang lại cho xã hội nhiều tổn thất kinh tế to lớn và cả những bài học đẫm máu nữa. Trung Quốc đứng đầu thế giới về lượng công trình xây dựng mới: 2 tỷ m<sup>2</sup> xây dựng mới /năm; tương ứng, tiêu hao 40% lượng xi măng và vật liệu sắt thép trên toàn thế giới, nhưng các công trình xây dựng này lại chỉ có thể duy trì tuổi thọ khoảng 25 - 30 năm. Trong các nguyên nhân dẫn tới thực trạng này có cả nguyên nhân chính sách lẫn nguyên nhân chất lượng và kỹ thuật. “Chất lượng quan trọng nhất” là yêu cầu được nêu ra căn cứ vào đặc điểm sản phẩm xây dựng. Nhưng hiện nay các sự cố chất lượng công trình nghiêm trọng liên tiếp xảy ra ở Trung Quốc. Nguyên nhân là gì? Lối thoát ở đâu?

### **I. Định nghĩa về sản phẩm xây dựng và đặc điểm của nó**

Sản phẩm xây dựng là các công trình kiến trúc, nhà ở, công trình công cộng, công trình đường sá, đường dây, đường ống, công trình lắp đặt thiết bị và công trình trang trí. Sản phẩm xây dựng còn bao gồm mọi cấu kiện xây dựng sau khi chế tạo sẵn và gắn trực tiếp với nền móng, sản phẩm cuối cùng của xây dựng công trình tồn tại bằng phương thức vĩnh viễn trong công trình xây dựng. Ví dụ, cọc neo, gạch ngói thuộc về hình thức thứ nhất, tức là sản phẩm tồn tại bằng phương thức vĩnh viễn trong công trình xây dựng. Nhà cửa lắp ghép bằng cấu kiện chế tạo sẵn đang thịnh hành ở châu Âu thuộc về hình thức thứ hai. Sản phẩm cuối cùng của xây dựng công trình - nhà cửa, cầu..., thuộc về hình thức thứ ba.

Chất lượng sản phẩm cuối cùng - công trình xây dựng, bao gồm chất lượng thiết kế và chất lượng thi công. Đặc điểm của sản phẩm cuối

cùng - công trình xây dựng là đầu tư lớn, thời gian thi công dài, tính chuyên ngành cao, nhiều công trình giấu kín bên trong, tuổi thọ sử dụng cao. Tối thiểu, một công trình dùng cho mấy thế hệ, thậm chí còn lâu hơn. Ví dụ, công trình Vạn Lý Trường Thành không những phản ánh lịch sử và văn hóa khu vực, mà còn đại biểu cho tinh thần của dân tộc Trung Hoa.

### **II. Nguyên nhân dẫn tới vấn đề chất lượng sản phẩm công trình xây dựng**

#### **1. Mâu thuẫn giữa cạnh tranh giá cả và chất lượng công trình**

Tuy mức đầu tư cho thị trường xây dựng hàng năm của Trung Quốc rất lớn, nhưng bên thi công và bên cung ứng sản phẩm bất chấp quy luật khách quan và tình hình thực tế của bản thân khi đấu thầu, đua nhau đưa ra giá thấp nhằm trúng thầu công trình, chiếm lĩnh thị trường, thậm chí họ còn móc ngoặc cấu kết với chủ đầu tư. Nói chung, các công trình xây dựng cơ bản và các dự án có chức năng tổng thể hoàn thiện do chính phủ đầu tư vận hành kinh doanh tương đối quy phạm vì được đảm bảo về tiền vốn, giám sát quản lý chặt chẽ. Nhưng các dự án phát triển do chịu ảnh hưởng của mô thức đầu tư, tùy tiện hạ thấp giá thành, kết quả là nhà thầu bớt xén vật liệu, sử dụng vật liệu kém chất lượng để có lợi nhuận tối đa, khiến cho chất lượng công trình không bảo đảm.

#### **2. Vấn đề thể chế giám sát quản lý**

Hiện nay, công tác quản lý sản phẩm công trình xây dựng trên thị trường tồn tại mô thức thao tác đa nguyên hóa, bao gồm chế độ giấy phép sản xuất, chế độ lập hồ sơ sản phẩm, chế độ kiểm tra lại sau khi đưa sản phẩm vào hiện trường thi công, chế độ chứng nhận sản phẩm mang tính bắt buộc hoặc tự nguyện.

##### **a) Chế độ giấy phép sản xuất**

Chế độ giấy phép sản xuất là chế độ thông qua biện pháp cho phép hành chính xây dựng tiêu chuẩn vào thị trường để quy phạm trật tự kinh tế thị trường. Biện pháp này coi cơ quan hành chính Nhà nước là chủ thể thực thi cho phép hành chính, tính chất của nó thuộc về

phạm trù cho phép hành chính. Về phương thức đề nghị, thời hạn được phép và giám sát quản lý thực hiện, nó thể hiện rõ công tác chấp hành của Nhà nước hoặc cơ quan hành chính địa phương.

Theo điều 3 chương I “Điều lệ quản lý giấy phép sản xuất sản phẩm công nghiệp nước CHND Trung Hoa” (Nghị định số 440 của Chính phủ, thực hiện từ ngày 1/9/2005) có nội dung “không thực hiện chế độ giấy phép sản xuất nếu có thể đảm bảo hữu hiệu chất lượng sản phẩm công nghiệp thông qua người tiêu dùng tự phán đoán, doanh nghiệp tự kiểm tra và cạnh tranh thị trường. Không thực hiện chế độ giấy phép sản xuất nếu có thể đảm bảo hữu hiệu chất lượng sản phẩm công nghiệp thông qua chế độ chứng nhận cho phép. Ngành chủ quản giấy phép sản xuất sản phẩm công nghiệp Quốc Vụ viện cùng các ngành hữu quan của Quốc Vụ viện kịp thời đánh giá, điều chỉnh và từng bước cắt giảm danh mục, công bố ra xã hội sau khi báo cáo Quốc Vụ viện phê chuẩn”. Điều này nói rõ ba điểm: một là nguyên lý đề ra phạm vi quản lý giấy phép sản xuất; hai là sự phối hợp với chế độ giấy phép sản xuất; ba là xu thế phát triển phạm vi quản lý của chế độ giấy phép sản xuất.

Ngày 25/8/2010, Tổng cục kiểm tra giám sát chất lượng Nhà nước ban hành “Thông tư về việc công bố danh mục sản phẩm thực hiện chế độ giấy phép sản xuất” (số 90/2010), đã xóa bỏ chế độ quản lý giấy phép sản xuất đối với hai sản phẩm xây dựng (như cửa ngoài công trình xây dựng chẳng hạn).

Các biện pháp này cho thấy rõ nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc đang từng bước được xây dựng và hoàn thiện, từng bước chuyển từ kinh tế thị trường do chính quyền chủ đạo sang mô thức kinh tế do thị trường chủ đạo.

#### *b) Chế độ lập hồ sơ sản phẩm*

Cùng với chức năng chính quyền từng bước chuyển đổi, ngành chủ quản các địa phương các cấp từng bước chuyển từ thực hiện chế độ giấy phép sản xuất sang thực hiện chế độ lập

hồ sơ sản phẩm trong quản lý một số sản phẩm công trình xây dựng nhằm tăng cường giám sát quản lý sản phẩm, ngăn ngừa sản phẩm kém chất lượng hoặc hàng giả tuồn vào thị trường. Nhưng gần đây, chế độ lập hồ sơ sản phẩm cũng bộc lộ một số vấn đề cần được chú ý trong thực hiện, chủ yếu biểu hiện thành: trong quá trình lập hồ sơ sản phẩm, một số địa phương kiểm tra trùng lặp, tùy tiện thu lệ phí, thậm chí còn lợi dụng chế độ này để bảo hộ địa phương.

#### *c) Chế độ kiểm tra lại sản phẩm trước khi đưa vào hiện trường thi công*

Hiện nay, ngành Xây dựng Trung Quốc không ngừng phát triển, về cơ bản đã hình thành chế độ quản lý chất lượng công trình xây dựng tương đối hoàn thiện, tăng cường quản lý thông qua điều khoản mang tính bắt buộc trong tiêu chuẩn xây dựng công trình, đưa ra yêu cầu cao đối với công trình xây dựng có liên quan trực tiếp tới an toàn tính mạng và tài sản nhân dân, sức khỏe con người, bảo vệ môi trường và các lợi ích công cộng khác. Ngoài những điều khoản mang tính bắt buộc về công trình xây dựng, công tác quản lý chất lượng sản phẩm công trình xây dựng có ảnh hưởng tới sự an toàn, chất lượng và môi trường... chủ yếu liên quan tới chế độ kiểm tra lại sản phẩm trước khi đưa vào hiện trường thi công. Nhưng do việc kiểm tra lại cần một thời gian nhất định, sau khi kiểm tra phát hiện ra sản phẩm không đạt tiêu chuẩn, chúng đã được sử dụng vào công trình, gây hậu quả cho công trình. Hơn nữa, còn cần phải tiếp tục kiểm tra và giám định thực thể. Khi gặp vấn đề nghiêm trọng, phải dỡ bỏ công trình, lãng phí sức người và vật tư. Vì vậy, không thể chỉ dựa vào phương thức này để quản lý chất lượng công trình xây dựng, quản lý chất lượng công trình phải được tiến hành từ những khâu đầu tiên.

#### *d) Chế độ bắt buộc hoặc tự nguyện chứng nhận sản phẩm*

Trong nền kinh tế thị trường, các nước trên thế giới thường áp dụng chế độ chứng nhận sản phẩm để quản lý chất lượng sản phẩm. Sản phẩm khó tiêu thụ trên thị trường nếu chưa

được chứng nhận. Có thể nói, chứng nhận sản phẩm là phương thức đánh giá chất lượng sản phẩm thịnh hành trên thế giới.

Sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc từng bước xây dựng hệ thống pháp quy, tiêu chuẩn kỹ thuật và trình tự thẩm định đạt tiêu chuẩn phù hợp với thông lệ quốc tế, thúc đẩy mở rộng tự do hóa và thuận tiện hơn. Ngày 1/8/2003, Trung Quốc bắt đầu thực hiện chế độ bắt buộc chứng nhận sản phẩm “3C”, tránh hiện tượng quản lý trùng lặp chồng chéo; sau đó còn ban hành văn kiện số 46 [2003] liên ngành kiểm tra chứng nhận Nhà nước, từ đó xác định phạm vi quản lý của chế độ chứng nhận 3C và chế độ chứng nhận sản xuất sản phẩm công nghiệp. Chế độ chứng nhận 3C quản lý 132 loại sản phẩm, trong đó có 2 loại sản phẩm xây dựng - sản phẩm trang trí (gạch men sứ và vật liệu sơn đồ gỗ dạng lỏng) và kính an toàn dùng trong công trình xây dựng. Nhưng hầu hết các sản phẩm công trình xây dựng đều chưa nằm trong danh mục bắt buộc chứng nhận sản phẩm.

Ngược lại, hầu hết các sản phẩm công trình xây dựng đều nằm trong danh mục tự nguyện chứng nhận sản phẩm; tuy vậy, vì chưa xây dựng được cơ chế phối hợp hữu hiệu với các chế độ giám sát quản lý khác, nên chưa phát huy được ý nghĩa và hiệu quả như chế độ bắt buộc chứng nhận sản phẩm “3C”.

### **3. Hệ thống tiêu chuẩn sản phẩm và quy phạm kỹ thuật không hoàn thiện**

Căn cứ vào yêu cầu về “chế độ tiêu chuẩn” trong chương II “Luật Tiêu chuẩn hóa nước CHND Trung Hoa”, tiêu chuẩn được phân loại ra thành tiêu chuẩn Nhà nước, tiêu chuẩn ngành, tiêu chuẩn địa phương và tiêu chuẩn doanh nghiệp. Việc đề ra tiêu chuẩn phải phù hợp nhất trí với các tiêu chuẩn hữu quan, phải thúc đẩy hợp tác kinh tế kỹ thuật đối ngoại và mở rộng đối ngoại. Hiện nay, sản phẩm công trình xây dựng liên quan với nhiều tiêu chuẩn sản phẩm, quy phạm kỹ thuật. Những tiêu chuẩn và quy phạm này chưa thực sự phù hợp với sản phẩm, kỹ thuật sản xuất và kỹ thuật

kiểm tra đo lường trong thực tế. Có sản phẩm mới đã được đưa ra sử dụng rộng rãi, nhưng vẫn chưa có tiêu chuẩn, quy phạm đồng bộ, cũng có kỹ thuật áp dụng tham số hoặc chỉ tiêu kỹ thuật quốc tế nhưng chưa thể thực hiện toàn bộ ở trong nước. Tình hình này sẽ dẫn đến một số sản phẩm có nguy cơ về chất lượng do hệ thống tiêu chuẩn sản phẩm và quy phạm kỹ thuật không hoàn thiện.

### **III. Bàn về công tác chứng nhận và quản lý sản phẩm công trình xây dựng**

Do các nguyên nhân và vấn đề chất lượng công trình nói trên, do tình hình thực tế trên thị trường xây dựng, Trung Quốc cần học tập kinh nghiệm của nước ngoài, đưa cơ chế chứng nhận sản phẩm vào thực tiễn xây dựng công trình, từng bước giải quyết các vấn đề một cách khoa học, có hệ thống và quy phạm.

#### **1. Chứng nhận sản phẩm**

Chứng nhận sản phẩm xuất phát từ nhu cầu đánh giá sản phẩm công nghiệp sản xuất hàng loạt. Cùng với sản phẩm sản xuất công nghiệp hóa được phát triển và ứng dụng nhanh chóng, những sự cố chất lượng sản phẩm cũng xuất hiện ngày càng nhiều. Do dưới ảnh hưởng của lợi ích bản thân nên bên cung ứng sản phẩm (bên thứ nhất) tự đánh giá và trình độ nghiệm thu đánh giá của bên tiếp nhận sản phẩm (bên thứ hai) còn tồn tại nhiều hạn chế. Cho nên, xã hội đòi hỏi cấp thiết phải có bên thứ ba độc lập với các bên sản xuất, tiêu thụ và sử dụng, không bị ràng buộc bởi lợi ích kinh tế để đánh giá sản phẩm - đặc biệt là đánh giá chất lượng các sản phẩm có liên quan trực tiếp đến an toàn, sức khỏe - bằng phương pháp công bằng và khoa học, mang lại sự đảm bảo đáng tin cậy cho quần chúng nhân dân. Chứng nhận sản phẩm có nghĩa là bên thứ ba cấp giấy chứng nhận (giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn) sản phẩm (“sản phẩm” là một định nghĩa có nghĩa rộng, bao gồm cả quá trình và sự phục vụ) phù hợp với yêu cầu quy định.

Theo quy tắc ISO/IEC, chế độ chứng nhận sản phẩm có thể bao gồm một hoặc các mô

thức sau: thử nghiệm hoặc kiểm nghiệm kiểu dáng, kiểm tra các sản phẩm lấy mẫu ngẫu nhiên trên thị trường và (hoặc) trong kho sản phẩm của bên cung ứng, kiểm tra từng sản phẩm mới hoặc đang sử dụng, một sản phẩm đặc thù nào đó, kiểm tra nhiều đợt, đánh giá thiết kế.

Chế độ chứng nhận sản phẩm cần bao gồm các văn kiện giấy tờ cần thiết như đánh giá thiết kế, báo cáo đánh giá, kế hoạch kiểm tra, hồ sơ kiểm tra, báo cáo thử nghiệm. Vì vậy, có thể nhận ra sự khác biệt giữa chứng nhận kiểm tra sản phẩm và chứng nhận hệ thống.

#### *a) Sự khác biệt giữa chứng nhận sản phẩm và kiểm nghiệm sản phẩm*

Chứng nhận sản phẩm là trình tự bên thứ ba xác nhận sản phẩm, quá trình hoặc sự phục vụ của doanh nghiệp có phù hợp với yêu cầu quy định hay không, doanh nghiệp có năng lực sản xuất một cách liên tục và ổn định các sản phẩm phù hợp với yêu cầu tiêu chuẩn hay không thông qua kiểm nghiệm đánh giá hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp và thử nghiệm sản phẩm mẫu. Kiểm nghiệm là thông qua các biện pháp như quan sát, đo lường, thử nghiệm... để đánh giá tính phù hợp của sản phẩm đơn lẻ.

Sự khác biệt chủ yếu giữa chứng nhận sản phẩm và kiểm nghiệm sản phẩm như sau:

Đối tượng khác nhau: Đối tượng của chứng nhận sản phẩm là doanh nghiệp sản xuất. Đối tượng của kiểm nghiệm sản phẩm là sản phẩm.

Cơ sở căn cứ khác nhau: Chứng nhận sản phẩm căn cứ vào tiêu chuẩn và quy tắc thực hiện. Kiểm nghiệm sản phẩm căn cứ vào tiêu chuẩn và phương pháp kiểm nghiệm.

Kết quả khác nhau: Kết quả chứng nhận sản phẩm sinh ra giấy chứng nhận và biểu trưng chứng nhận. Kết quả kiểm nghiệm sản phẩm sinh ra số liệu kiểm nghiệm hoặc báo cáo kiểm nghiệm.

Phạm vi khác nhau: Giấy chứng nhận sản phẩm dành cho sản phẩm được chứng nhận. Báo cáo kiểm nghiệm sản phẩm chỉ dành cho

sản phẩm mẫu hoặc lô sản phẩm được kiểm nghiệm.

#### *b) Sự khác biệt giữa chứng nhận sản phẩm và chứng nhận hệ thống*

Đối tượng khác nhau: Đối tượng của chứng nhận sản phẩm là một sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra. Đối tượng của chứng nhận hệ thống là hệ thống quản lý của doanh nghiệp.

Cơ sở căn cứ khác nhau: Chứng nhận sản phẩm căn cứ vào tiêu chuẩn sản phẩm hữu quan (tiêu chuẩn Nhà nước và tiêu chuẩn ngành). Chứng nhận hệ thống dựa vào tiêu chuẩn quản lý chất lượng.

Kết quả khác nhau: Giấy chứng nhận sản phẩm chứng minh sản phẩm có phù hợp với tiêu chuẩn hữu quan hay không. Giấy chứng nhận hệ thống chứng minh hệ thống chất lượng doanh nghiệp có phù hợp với tiêu chuẩn quản lý chất lượng hay không.

Theo quy định của điều 57 “Luật Chất lượng sản phẩm nước CHND Trung Hoa”, “nếu vi phạm quy định khoản 2 điều 21 luật này, không yêu cầu doanh nghiệp có sản phẩm không phù hợp với tiêu chuẩn chứng nhận sản phẩm theo quy định pháp luật nhưng vẫn sử dụng biểu trưng chứng nhận phải sửa đổi hoặc xóa bỏ biểu trưng chứng nhận sản phẩm, cơ quan chứng nhận chất lượng sản phẩm chịu trách nhiệm liên đới với người sản xuất và người tiêu dùng; nếu tinh tiết nghiêm trọng, xóa bỏ tư cách chứng nhận của cơ quan chứng nhận sản phẩm đó”. Điều này chứng tỏ, khi sản phẩm đã được chứng nhận chất lượng xuất hiện vấn đề về chất lượng, cơ quan chứng nhận sản phẩm đó phải chịu trách nhiệm liên đới theo quy định của pháp luật. Nhưng chưa có quy định tương tự trong chứng nhận hệ thống.

#### **2. Chứng nhận sản phẩm công trình xây dựng**

Xét về mô thức chứng nhận, nó không có sự khác biệt về bản chất với chứng nhận sản phẩm công trình xây dựng. Nhưng cần phải căn cứ vào đặc điểm chuyên ngành của sản phẩm công trình xây dựng và phân tích nguyên nhân



dẫn tới các vấn đề chất lượng để làm rõ tính khoa học, tính quốc tế và tính khoa học của nó.

*a) Tính hệ thống*

Tính hệ thống đề cập ở đây bao gồm hai ý: Một là tính hệ thống của phạm vi chứng nhận sản phẩm công trình xây dựng; hai là tính hệ thống trong vận hành cân đối nhịp nhàng giữa chứng nhận và dự án công trình.

Tính hệ thống của phạm vi chứng nhận sản phẩm công trình xây dựng có nghĩa là đối tượng chứng nhận vừa có thể là sản phẩm công trình xây dựng thuộc hình thức thứ nhất, vừa có thể là sản phẩm cuối cùng thuộc hình thức thứ hai và hình thức thứ ba. Ví dụ, xét về một tòa nhà, nếu chỉ có hệ thống giữ nhiệt của tường ngoài được chứng nhận sản phẩm, tính năng giữ nhiệt rất tốt, nhưng hệ thống cửa chưa được chứng nhận, tính năng giữ nhiệt không tốt, như vậy, tính năng giữ nhiệt tiết kiệm năng lượng chính thể của công trình xây dựng không lý tưởng. Vì vậy, nếu không có chứng nhận sản phẩm thuộc hình thức thứ nhất và hình thức thứ hai thì không thể có chứng nhận dưới hình thức cuối cùng của sản phẩm công trình xây dựng. Ngược lại, nếu không có chứng nhận dưới hình thức cuối cùng của sản phẩm công trình xây dựng thì hiệu ứng xã hội và hiệu ứng kinh tế của chứng nhận sản phẩm thuộc hai hình thức đầu sẽ bị hạn chế.

Tính hệ thống trong vận hành cân đối nhịp nhàng giữa chứng nhận và dự án công trình có nghĩa là bổ sung cho những thiếu sót của công tác kiểm nghiệm lại chất lượng vật liệu xây dựng khi đưa vào hiện trường thi công - có thể chứng nhận một số sản phẩm đặc thù ngay từ giai đoạn thiết kế. Vì bản thân đánh giá thiết kế là một loại mô thức chứng nhận. Ví dụ, chứng nhận LEED đang thực hiện ở Mỹ hiện nay chính là chứng nhận công trình xây dựng thân thiện với môi trường đối với hình thức cuối cùng của sản phẩm công trình xây dựng. Sự đánh giá chứng nhận này bắt đầu từ giai đoạn thiết kế, hoặc thông qua chứng nhận sản phẩm khiến cho sản phẩm được quản lý hữu hiệu ngay từ giai đoạn xuất xưởng.

*b) Tính quốc tế*

Tính quốc tế ở đây là tính quốc tế của yếu tố kỹ thuật, là tính quốc tế của rào cản mậu dịch.

Chúng nhận sản phẩm khác với chứng nhận hệ thống, vì cơ sở của chứng nhận sản phẩm là tiêu chuẩn sản phẩm hoặc các quy phạm kỹ thuật hữu quan, còn cơ sở của chứng nhận hệ thống là tiêu chuẩn quản lý như ISO 9000. Nói cách khác, một doanh nghiệp có giấy chứng nhận hệ thống chất lượng ISO 9001 thiết bị xuất khẩu DNV, về nguyên tắc, doanh nghiệp này mang giấy chứng nhận hệ thống chất lượng thiết bị xuất khẩu đó sang nước khác để chứng thực trình độ hệ thống quản lý chất lượng của mình, họ hoàn toàn có thể được chứng thực. Nhưng do tiêu chuẩn chứng nhận sản phẩm mỗi nước một khác nên mức độ chứng thực bị hạn chế nghiêm trọng. Để giải quyết vấn đề này, các nước thành viên khối EEC áp dụng nguyên tắc "tìm ra những điểm nhất trí, bảo lưu những điểm bất đồng", thông qua chỉ thị sản phẩm công trình xây dựng - 89/106/EEC, trong phạm vi các nước thành viên EEC, thực hiện tiêu chuẩn chung EEC đối với sản phẩm công trình xây dựng. Như vậy có nghĩa là đối với một số sản phẩm, có thể áp dụng tiêu chuẩn thống nhất sau khi hiệp thương thỏa thuận và đạt được sự nhất trí. Nếu không đạt được sự nhất trí trong thỏa thuận do các nguyên nhân như chênh lệch quá lớn về vị trí địa lý, môi trường khí hậu..., cần bổ sung thông qua tiêu chuẩn sản phẩm của các nước, công nhận tiêu chuẩn các yếu tố kỹ thuật của nhau. Phương thức này khiến cho rào cản mậu dịch giữa các nước thành viên khối EEC được dỡ bỏ triệt để.

Trung Quốc là cường quốc xuất khẩu sản phẩm công trình xây dựng. Do trình độ kỹ thuật không ngừng nâng cao nên chủng loại sản phẩm công trình xây dựng xuất khẩu ngày càng đa dạng. Hiện nay, trên thế giới có xu thế dựa vào chất lượng sản phẩm để tăng cường xuất khẩu thay vì xu thế dựa vào số lượng sản phẩm trước đây. Các công ty Trung Quốc không thể tránh khỏi rào cản mậu dịch trên thị trường

châu Âu hoặc Bắc Mỹ. Ngược lại, vì hầu hết mọi sản phẩm công trình xây dựng Trung Quốc đều được chứng nhận một cách tự nguyện, nên các doanh nghiệp nước ngoài có thể dễ dàng tiến vào thị trường sản phẩm công trình xây dựng Trung Quốc.

Chúng nhận sản phẩm công trình xây dựng muốn phát triển lớn mạnh, cần phải tăng cường hợp tác đối ngoại, nhanh chóng thực hiện chiến lược “tiến ra thế giới”, công nhận tiêu chuẩn sản phẩm của nhau để đẩy mạnh phát triển, sáng tạo, tích cực tham gia vào hợp tác và cạnh tranh dự án công trình xây dựng quốc tế.

### c) Tính khoa học

Chúng nhận sản phẩm là một loại hình của đánh giá đạt tiêu chuẩn. “Yêu cầu thông dụng của cơ quan chứng nhận sản phẩm” (GB/T 27065 – 2004) là cơ sở khoa học cho cơ quan chứng nhận phát triển. Kết hợp với đặc điểm của sản phẩm công trình xây dựng, “Yêu cầu thông dụng của cơ quan chứng nhận sản phẩm” (GB/T 27065 - 2004) có một nội dung quan trọng, đó là lý giải và vận dụng “tiêu chuẩn”.

“Tiêu chuẩn” bao gồm cả các văn kiện mang tính quy phạm khác. Vì “Yêu cầu thông dụng của cơ quan chứng nhận sản phẩm” (GB/T 27065 - 2004)... áp dụng quy tắc 65 : 1996 ISO / IEC nên quy phạm và pháp quy kỹ thuật nêu ở đây theo mô thức của Mỹ. Tiêu chuẩn, quy phạm hiện hành của ngành Xây dựng Trung Quốc có sự khác biệt tương đối lớn so với pháp quy và quy phạm kỹ thuật của các nước Âu – Mỹ; đặc biệt là hiện nay, các nước Âu – Mỹ đã định nghĩa quy phạm kỹ thuật để ra là “pháp quy kỹ thuật dựa vào tính năng” (performance – based regulations). Khác biệt là cơ quan chứng nhận sản phẩm nước ngoài căn cứ vào pháp quy và quy phạm kỹ thuật, không những có thể tiến hành chứng nhận cho những sản phẩm công trình xây dựng có tiêu chuẩn rõ ràng, mà còn có thể áp dụng phương thức đánh giá kỹ thuật để tiến hành chứng nhận cho các sản phẩm mới sáng tạo ra.

Ví dụ, cơ sở chứng nhận CE đối với sản

phẩm công trình xây dựng là: tiêu chuẩn điều tiết (Harmonized standards) của các nước thành viên khối EEC; giấy phép kỹ thuật khối EEC (European technical approval); quy phạm kỹ thuật Nhà nước các nước thành viên khối EEC (National technical specifications). Trong đó, giấy phép kỹ thuật khối EEC là phương thức đánh giá kỹ thuật phù hợp với sản phẩm công trình xây dựng.

Các sản phẩm công trình xây dựng của Trung Quốc hiện nay được đổi mới nâng cấp tương đối nhanh, nhưng tiêu chuẩn chứng nhận các sản phẩm hữu quan lại không hoàn thiện, cơ quan chứng nhận sản phẩm rất khó chứng nhận cho một số sản phẩm nếu chỉ căn cứ tiêu chuẩn Nhà nước hoặc tiêu chuẩn ngành. Hơn nữa, hiện nay nhiều sản phẩm mới đang được sử dụng rộng rãi, càng cần được chứng nhận sản phẩm, càng cần phải quản lý quy phạm. Điều này có thể ảnh hưởng tới sự phát triển lành mạnh của một ngành sản xuất mới nổi.

### 3. Quản lý chứng nhận sản phẩm công trình xây dựng

Việc du nhập một cách thích đáng cơ chế chứng nhận sản phẩm vào quản lý quy phạm hóa thị trường xây dựng có một ý nghĩa hết sức quan trọng. Nhưng phải thực hiện được mấy nội dung sau:

#### a) Danh mục phân loại sản phẩm

Sản phẩm công trình xây dựng có rất nhiều chủng loại, phải phân loại chứng theo tác dụng và chức năng của chúng, áp dụng các mô thức quản lý khác nhau. Ví dụ, các nước thành viên khối EEC đưa nhiều chủng loại sản phẩm công trình xây dựng vào danh mục bắt buộc chứng nhận, các sản phẩm bị đưa vào danh mục bắt buộc chứng nhận phải qua chứng nhận, phải có biểu trưng CE mới được lưu thông trên thị trường. Hiện nay, chứng nhận CE của các nước thành viên EEC dành cho sản phẩm công trình xây dựng bao gồm sáu mặt: tính chịu lực và tính ổn định của kết cấu; an toàn phòng cháy; vệ sinh, sức khỏe và môi trường; sử dụng an toàn; chống ồn; tiết kiệm năng lượng và giữ nhiệt.

Theo chỉ thị sản phẩm công trình xây dựng - 89 /106/EEC, người ta phân loại sản phẩm thành 6 cấp căn cứ vào 6 yếu tố nói trên. Việc xác định hệ thống các cấp của sản phẩm công trình xây dựng chủ yếu dựa theo yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm đó và tiêu chuẩn yêu cầu về an toàn tính mạng, sức khỏe.

*b) Sự phối hợp giữa cơ chế chứng nhận sản phẩm và các chế độ quản lý khác*

Mục đích của chứng nhận sản phẩm là bảo đảm chất lượng công trình ngay từ khâu đầu, nhưng cần phải phối hợp với các chế độ khác, khiến cho công tác quản lý giám sát càng thêm hệ thống hóa. Đó là do đặc điểm của bản thân sản phẩm xây dựng quyết định. Bởi vì, khi xuất xưởng, đại đa số các sản phẩm xây dựng ở dạng bán thành phẩm, thông qua phối kết hợp ở hiện trường thi công, chúng mới trở thành thành phẩm. Nội hàm của hệ thống hóa là diện quản lý rộng, các khâu quản lý đều rõ ràng và không bị bỏ sót, chứ không phải là công tác trùng lặp một cách giản đơn. Ví dụ, nhân viên kiểm tra không vì một sản phẩm nào đó đã có chứng nhận sản phẩm mà bỏ qua không kiểm tra. Ngược lại, cũng không nên nghi ngờ kết quả chứng nhận sản phẩm mà kiểm tra trùng lặp cùng một hạng mục. Cơ chế chứng nhận sản phẩm phối hợp với các chế độ quản lý khác, cần phải quan tâm tới những nhân tố dưới đây: cấp độ quan trọng của sản phẩm; ảnh hưởng của việc đơn vị thi công gia công lại và sự phối kết hợp các bán thành phẩm ở hiện trường tới tính năng của chúng.

*c) Quản lý, vận hành cơ quan chứng nhận sản phẩm*

Xét dưới góc độ hành chính, “Điều lệ chứng nhận và cấp phép của nước CHND Trung Hoa” đã quy định rõ về việc quản lý cơ quan chứng nhận sản phẩm. Công tác quản lý đề cập ở đây có nghĩa là quản lý cơ sở kỹ thuật của chứng nhận sản phẩm. Tiêu chuẩn mà các cơ quan chứng nhận sản phẩm đều nhất trí với nhau. Nhưng chứng nhận sản phẩm phải khác nhau. Chứng nhận sản phẩm liên quan tới ba yếu tố

kỹ thuật quan trọng gồm: tiêu chuẩn cơ sở; quy tắc thực hiện chứng nhận; mô thức chứng nhận. Đối với chứng nhận sản phẩm mang tính bắt buộc, cơ quan chứng nhận do Nhà nước chỉ định tiến hành chứng nhận ba yếu tố kỹ thuật trên một cách thống nhất. Đối với chứng nhận sản phẩm mang tính tự nguyện, ngoài tiêu chuẩn sản phẩm ra, hai yếu tố khác mỗi nơi một khác. Đó cũng là nguyên nhân giải thích tại sao xã hội thiếu tin tưởng đối với hầu hết mọi kết quả chứng nhận mang tính tự nguyện của sản phẩm công trình xây dựng, vì cùng là chứng nhận sản phẩm nhưng do quy tắc thực hiện chứng nhận khác nhau, mô thức chứng nhận khác nhau, nên mức độ tin tưởng của xã hội dành cho kết quả chứng nhận khác nhau.

#### **IV. Xu thế phát triển**

“Nội dung cơ bản kế hoạch 5 năm phát triển xã hội và kinh tế quốc dân lần thứ 11” của Trung Quốc đã nêu rõ, cần phải không ngừng kiện toàn hệ thống chứng nhận và cấp phép, thực hiện nội dung chế độ chứng nhận sản phẩm. Hy vọng trong thời kỳ kế hoạch 5 năm phát triển xã hội và kinh tế quốc dân lần thứ 12, sẽ xuất hiện nhiều yêu cầu chính sách và pháp quy chứng nhận sản phẩm.

Hiện nay, một số quy phạm tiêu chuẩn trong ngành công nghiệp Xây dựng Trng Quốc đã được thử nghiệm đưa vào yêu cầu chứng nhận sản phẩm. Ví dụ, trong dự thảo “Quy phạm thi công công trình kết cấu bê tông” có nêu, “công tác kiểm tra tính năng và chất lượng vật liệu kết cấu dự ứng lực phải phù hợp với quy định của các tiêu chuẩn Nhà nước hiện hành hữu quan.”

Chỉ có vận dụng khoa học, cơ quan chứng nhận sản phẩm công trình xây dựng mới có thể nâng cao hữu hiệu chất lượng công trình, bảo đảm và cải thiện dân sinh, thúc đẩy ngành Xây dựng phát triển cân đối và bền vững.

**Đông Hiểu Siêu**

*Tạp chí “Xây dựng” TQ số 2/2011*

**ND: Hoàng Thế Vinh**

## **Các loại hình chủ yếu của tranh chấp giá thành và biện pháp ứng phó**

Cùng với nền kinh tế không ngừng phát triển, thị trường xây dựng Trung Quốc cũng không ngừng lớn mạnh, các vấn đề đa dạng cũng xuất hiện theo. Nguyên nhân của nó có nhiều, nhưng qua phân tích thực tiễn cho thấy nguyên nhân cơ bản đều là do tranh chấp giá thành công trình xây dựng gây nên. Khái quát bằng một câu nói chung trong ngành: “Trên thị trường xây dựng, an toàn là sự đảm bảo, chất lượng là then chốt, giá thành là hạt nhân”. Bởi vậy, xoay quanh hạt nhân “giá thành” này, mâu thuẫn giữa bên giao thầu và bên nhận thầu, trong nội bộ bên giao thầu xuất hiện nhiều, từ đó khiến cho vấn đề chất lượng công trình đôi khi nảy sinh. Việc làm rõ các hình thức biểu hiện và nguyên nhân sâu xa của tranh chấp giá thành mang ý nghĩa thực tiễn quan trọng.

### **I. Những tranh chấp do thiết kế bản vẽ thi công gây ra**

Do nhân viên thiết kế không thể biểu đạt chính xác yêu cầu công nghệ trong bản vẽ thi công nên dẫn tới mâu thuẫn giữa kết cấu và bản vẽ công trình xây dựng, bản vẽ mặt bằng công trình và hệ thống được trình bày không nhất trí với nhau, quy cách, kích cỡ, chất lượng, xê ri của vật liệu hoặc thiết bị chọn dùng không rõ ràng, gây ra mâu thuẫn về giá thành giữa bên giao thầu và bên nhận thầu trong quá trình quyết toán công trình. Lấy ví dụ ở một tòa nhà thương mại 33 tầng do Công ty A xây dựng. Tòa nhà này gọi thầu trước khi thẩm tra phê chuẩn bản vẽ thi công, đơn vị soạn thảo danh mục chi tiết hạng mục công trình cũng là doanh nghiệp thuộc công ty xây dựng A. Do nguyên nhân bản vẽ thi công, nên danh mục chi tiết các hạng mục công trình do họ soạn thảo ra không những thiếu sót nhiều hạng mục, mà nội dung và cách biểu đạt của danh mục hạng mục không rõ ràng, miêu tả quy cách và công nghệ

không đầy đủ. Khi điều tra, phát hiện thấy 85 hạng mục trong danh mục không được biểu đạt chính xác do nguyên nhân bản vẽ thi công. Vì nguyên nhân bỏ sót hạng mục, nội dung cấu thành và miêu tả đặc trưng hạng mục không cụ thể nên nhất định sẽ gây ra vấn đề về báo giá của bên đấu thầu. Mà hồ sơ gọi thầu, đấu thầu công trình này lại quy định áp dụng phương thức hợp đồng theo tổng mức giá cố định. Dựa vào đó, bên gọi thầu không cho phép nhà thầu điều chỉnh giá trong hợp đồng khi quyết toán công trình. Sau khi thẩm tra phê chuẩn bản vẽ thi công, bên gọi thầu yêu cầu nhà thầu phải thi công theo bản vẽ đã thẩm tra phê chuẩn, thế là nảy sinh ra tranh chấp giá thành. Về sau, để giải quyết tranh chấp, cơ quan chức năng đã căn cứ vào số lượng công trình hữu quan, quy phạm phương thức tính giá, điều tiết lại và điều chỉnh theo lượng công trình hoàn thành trong thực tế.

Muốn giảm bớt tranh chấp do loại nguyên nhân này gây ra, nghiệp chủ phải hết sức chú trọng quan tâm tới việc đơn vị thiết kế và đơn vị soạn thảo thẩm tra dự toán công trình, họ phải có tố chất nghiệp vụ cao mới có thể tạo nên kết quả tốt được. Điều phải nhấn mạnh, mọi dự án do Nhà nước đầu tư hoặc do tư nhân đầu tư chỉ được gọi thầu sau khi đã thẩm tra phê chuẩn bản vẽ thi công. Khi soạn thảo danh sách lượng công trình, phải giải thích bổ sung chi tiết đối với những điểm biểu đạt không rõ ràng trong bản vẽ thi công, phản ánh cụ thể trong hồ sơ gọi thầu. Chỉ có như vậy, mới có thể giảm bớt và xóa bỏ tranh chấp về báo giá hậu kỳ do nguyên nhân bản vẽ thi công gây ra.

### **II. Tranh chấp do nguyên nhân chủ đầu tư lui lại thời điểm thi công gây ra**

Do những nguyên nhân về phía chủ đầu tư như di dời, tiền vốn..., nên không thể khởi công



đúng thời hạn, từ đó dẫn tới nguyên nhân tranh chấp giá thành công trình về sau này. Khi giải quyết tranh chấp giá thành công trình, tác giả bài viết này đã từng gặp vấn đề - chủ đầu tư không thể hoàn thành di dời đúng thời hạn nên công trình đó phải hai năm sau mới khởi công được. Nhưng hồ sơ mời thầu khi đó lại áp dụng hình thức hợp đồng theo tổng mức giá cố định; hơn nữa, khi quy định không chú ý tới biến động của giá nhân công, vật liệu và máy móc trong thời gian thi công khiến cho giá thành cũng biến động theo. Bên nhận thầu cho rằng, vì nguyên nhân của chủ đầu tư nên thời hạn thi công bị đẩy lùi lại hơn hai năm sau, dẫn tới biến động của giá nhân công, vật liệu và máy móc trong thời gian thi công, nên cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế. Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu khi đó và hợp đồng thi công hai bên đã ký, chúng tôi nhận thấy, hợp đồng có quy định thời gian khởi công và hoàn thành công trình, vì nguyên nhân của chủ đầu tư nên công trình không thể khởi công theo đúng thời hạn, trách nhiệm thuộc về chủ đầu tư. Cuối cùng, hai bên dựa vào sự điều chỉnh hợp lý của chúng tôi, theo nguyên tắc thông cảm lẫn nhau và đạt được sự nhất trí chung – giá nhân công, vật liệu và máy móc sử dụng cho công trình được điều chỉnh theo giá thị trường và quy định mang tính chính sách của các ngành hữu quan, bên B không đòi bên A phải bồi thường chi phí phát sinh như máy móc, nhân công nhân rồi... do nguyên nhân vi phạm hợp đồng của bên A.

Muốn tránh nảy sinh ra tranh chấp loại này, hai bên A và B, đặc biệt là khi ký hợp đồng thi công, bên nhận thầu nhất định phải yêu cầu có điều khoản ràng buộc về trường hợp thời hạn khởi công lui lại do nguyên nhân của bên A, điều khoản ràng buộc này phải thể hiện trong phương thức quyết toán công trình, tức là điều chỉnh giá thành tương ứng như thế nào, từ đó tránh khỏi tranh chấp giá thành do chi phí cho nhân công, vật liệu, máy móc gia tăng trong thời hạn công trình bị kéo dài.

### **III. Tranh chấp giá thành do chủ đầu tư thay đổi vật liệu**

Vì nguyên nhân của bản thân, chủ đầu tư thay đổi vật liệu, xóa bỏ một số hạng mục của công trình trong quá trình thi công công trình, dẫn tới tranh chấp giá thành. Phần lớn danh mục số lượng công trình trong quá trình mời thầu đều do chủ đầu tư cung cấp, bên đấu thầu tiến hành báo giá tương ứng theo yêu cầu về chất lượng vật liệu và nhãn mác thương hiệu sản phẩm được quy định trong danh mục số lượng công trình mà chủ đầu tư cung cấp. Vì nhu cầu của sách lược đầu tư, bên đấu thầu thường điều chỉnh báo giá theo hướng có lợi cho mình, cố gắng giành được lợi nhuận lớn nhất dưới tiền đề không ảnh hưởng tới xác suất trúng thầu. Nếu trong quá trình thực hiện công trình, chủ đầu tư thay đổi một số vật liệu, từ đó gây ảnh hưởng tới lợi nhuận của bên nhận thầu. Như vậy, tất sẽ dẫn tới tranh chấp giá thành. Tác giả bài viết này đã từng gặp nhiều vụ tranh chấp giá thành thuộc loại này. Ví dụ, ở một công trình trang trí, khi gọi thầu, chủ đầu tư quy định lát sàn nhà bằng gạch men kính, nhưng khi thi công, lại đổi bằng thảm, hơn nữa, chủ đầu tư lại tự mua thảm. Hồ sơ mời thầu và hợp đồng thi công lại không quy định việc chủ đầu tư thay đổi vật liệu và tự mua vật liệu mới. Như vậy, theo bên thi công, chủ đầu tư đã chiếm đoạt lợi ích vô nguyên tắc, lại không bồi thường, tất nhiên bên thi công không chịu, khó tránh khỏi tranh chấp giá thành. Tác giả bài viết này được mời tham gia hòa giải vụ tranh chấp giá thành này. Sau khi thương lượng, hai bên thỏa thuận, lấy tổng mức giá vật liệu thảm làm cơ sở tính giá, trả 10% cho bên nhận thầu.

Đối với hiện tượng bên A thay đổi vật liệu trong quá trình thi công xuất hiện ngày càng nhiều, hai bên A,B phải quy định rõ trong hồ sơ mời thầu và hợp đồng thi công về phương thức điều chỉnh giá thành khi quyết toán như thế nào, điều chỉnh thời hạn công trình ra sao... nếu bên A thay đổi vật liệu.

#### **IV. Tranh chấp giá thành do hồ sơ mời thầu**

Gần đây, các vụ tranh chấp giá thành do nguyên nhân hồ sơ mời thầu xuất hiện ngày càng nhiều, chủ yếu do bên mời thầu gây ra. Các công ty đại diện mời thầu hiện nay chủ yếu do chủ đầu tư lựa chọn, đặc biệt là các đơn vị đại diện gọi thầu được chủ đầu tư trực tiếp tuyển chọn, điều khoản hồ sơ gọi thầu do họ soạn thảo thường nghiêng về lợi ích của chủ đầu tư. Ví dụ, xác định thời hạn công trình, xác định phương thức quyết toán, điều khoản thưởng phạt tiến độ công trình... đều có lợi cho chủ đầu tư. Ví dụ, một vụ tranh chấp giá thành có liên quan tới thời hạn hoàn thành công trình mà tác giả có dịp tham gia hòa giải. Một trường học mời thầu xây dựng tòa nhà giảng đường mang tính tổng hợp cao. Công trình này là một trong những hạng mục để nhà trường đạt chuẩn. Muốn đưa tòa nhà này vào sử dụng trước khi nghiệm thu đạt tiêu chuẩn, các điều khoản về thời hạn hoàn thành công trình trong hồ sơ mời thầu của nhà trường xác định, lấy thời gian nghiệm thu đạt tiêu chuẩn làm cơ sở cho thời hạn công trình, hoàn toàn không tuân theo quy định hữu quan của Nhà nước về thời hạn công trình xây dựng. Nếu theo quy định của Nhà nước, kết hợp với định mức của tỉnh Phúc Kiến, thời hạn xây dựng công trình đó phải là 610 ngày, nhưng do nhu cầu riêng của mình, nhà trường chỉ quy định là 320 ngày, tùy tiện rút ngắn thời hạn hoàn thành công trình, bất chấp những quy định của các ngành hữu quan Nhà nước về thời hạn công trình. Đồng thời, hồ sơ mời thầu còn quy định: nếu không hoàn thành công trình trong thời hạn công trình 320 ngày như quy định của hồ sơ mời thầu, chậm một ngày nhà thầu sẽ bị phạt 5.500 NDT. Nhưng hồ sơ mời thầu không hề nói tới việc thưởng bao nhiêu tiền nếu hoàn thành trước thời hạn một ngày, cũng không dă động tới chi phí phát sinh do làm gấp. Tất nhiên, bên nhà thầu không thể hoàn thành với thời hạn công

trình như vậy. Tới khi nghiệm thu hoàn thành công trình, thời hạn công trình đã vượt quá thời hạn công trình quy định trong hồ sơ gọi thầu hơn 200 ngày. Khi quyết toán hoàn thành công trình, theo quy định của hồ sơ mời thầu, bên nhà trường phạt tiền chậm thời hạn công trình hơn 700 nghìn NDT. Vì phía nhà trường từ chối không chịu thanh toán nên bên nhận thầu phải nợ tiền lương của công nhân, dẫn tới vụ việc công nhân bao vây trường học đòi trả lương, ảnh hưởng nghiêm trọng trật tự của trường học. Nguyên nhân nảy sinh vụ việc hoàn toàn do hồ sơ mời thầu quy định không hợp lý về thời hạn hoàn thành công trình. Về sau, nhờ sự can thiệp hòa giải của Cục quản lý giá thành công trình xây dựng tỉnh Phúc Kiến và các ngành hữu quan, cuối cùng hai bên cũng đạt được sự cảm thông lẫn nhau: bên nhà trường không phạt tiền chậm thời hạn công trình và phải chi trả cho bên nhận thầu số tiền công trình còn thiếu, bên nhận thầu chi cho nhà trường 100 nghìn NDT làm quỹ khuyến học.

Các điều khoản hữu quan về phương thức quyết toán trong hồ sơ mời thầu cũng có khuynh hướng nghiêng về lợi ích của bên mời thầu. Ví dụ, có hồ sơ mời thầu quy định: “áp dụng hợp đồng tổng mức giá cố định, không cho phép điều chỉnh tổng mức giá quyết toán, kiểm tra định kỳ số lượng công trình, quá thời hạn không được điều chỉnh, không điều chỉnh trên dưới 3% tổng mức giá công trình sau kiểm tra...”, hoàn toàn đi ngược lại quy định hữu quan của “Quy phạm tính giá quyết toán số lượng công trình xây dựng” GB 50500 – 2008. Điều khoản 3.2.1 quy phạm này quy định rõ: “gọi thầu theo phương thức danh mục số lượng công trình, danh mục số lượng công trình phải là bộ phận cấu thành của hồ sơ mời thầu, người mời thầu chịu trách nhiệm về tính chuẩn xác và tính hoàn thiện của nó”. Bên nhà thầu chỉ phải chịu trách nhiệm về báo giá của mình. Không có quy định về việc kiểm tra số lượng công trình trong thời gian quy định. Đồng thời, điều 4.1.3

quy phạm tính giá danh mục cũng quy định rõ: “lượng công trình ghi rõ trong danh mục số lượng công trình của hồ sơ gọi thầu là cơ sở chung cho những người đấu thầu báo giá, số lượng công trình trong quyết toán hoàn thành công trình được xác định theo thỏa thuận của hai bên giao thầu và bên nhận thầu trong hợp đồng, tính theo số lượng công trình hoàn thành trong thực tế. Không có những điều khoản “quá quắt” như cố định tổng mức giá, không điều chỉnh giá thành công trình, không điều chỉnh trên dưới 3% tổng mức giá công trình sau kiểm tra...”

Tiến hành đấu thầu theo mô thức tính giá danh mục lượng công trình, nên áp dụng hợp đồng đơn giá cố định, không nên áp dụng hình thức hợp đồng tổng mức giá cố định nhằm tránh đến mức tối đa tranh chấp giá thành khi kết toán công trình. Đồng thời, cũng đòi hỏi nghiệp chủ phải nghiêm túc mời thầu theo quy định của Nhà nước, không được tùy tiện thay đổi nội

dung các điều khoản mẫu trong hồ sơ gọi thầu, người đấu thầu phải ra sức nghiên cứu nội dung hồ sơ gọi thầu, yêu cầu bên gọi thầu phải trả lời về điều khoản không hợp lý hoặc không hoàn chỉnh, tránh tranh chấp không cần thiết nảy sinh sau khi trúng thầu.

Tuy hình thức tranh chấp giá thành công trình xây dựng rất đa dạng, nguyên nhân của chúng cũng rất phong phú, nhưng chỉ cần hai bên giao thầu và nhận thầu, đặc biệt là bên giao thầu nghiêm túc chấp hành quy định của Nhà nước trong mời thầu công trình và ký kết hợp đồng thi công thì sẽ có thể khiến cho tranh chấp giá thành giảm bớt từng năm, từ đó thúc đẩy thị trường xây dựng phát triển theo hướng hợp lý và lành mạnh.

**Lâm Thành Quang**

*Nguồn: Tạp chí “Xây dựng” TQ số 13/2010*

**ND: Hoàng Thế Vinh**

## **Ô phố bảo tàng ở thành phố Viên**

Vào thập niên 1970 việc xây dựng công trình bảo tàng được triển khai trên quy mô rộng ở châu Âu, châu Mỹ và Nhật Bản. Còn hiện nay hầu như tháng nào cũng xuất hiện dự án bảo tàng nổi bật khiến công chúng phải thán phục. Trong khi tưởng chừng không còn những ý tưởng mới cho loại đồ án này thì các kiến trúc sư lại làm được một điều kỳ diệu nhỏ và trình diễn trước những người yêu thích nghệ thuật loại công trình “bảo tàng - trưng bày”. Từ đó đã xuất hiện loại bảo tàng theo “khái niệm” như nhà máy, phân xưởng, nhà ga được cải tạo thành gian trưng bày.

Nền kiến trúc Nga hiện đại không thể không hưởng ứng xu hướng mới đó. Hiện nay ở Nga đã khai trương bảo tàng Nhà máy Vinzavod, đã lập các dự án cải tạo Bảo tàng Pushkin ở Matxcova, Bảo tàng Nga ở Xanh - Pêtecbuga, sắp tới sẽ hoàn thành tu bổ quy mô lớn Bảo tàng tranh

Ermitaz. Trong lĩnh vực này kinh nghiệm các nước sẽ rất bổ ích - những kinh nghiệm mang tính hiểu biết rộng, tính thông tin cao,...

Một trong những kinh nghiệm đáng quan tâm là dự án cải tạo Ô phố bảo tàng tại thành phố Viên (Museums Quartier) - thủ đô nước Áo. Câu chuyện xây dựng tổ hợp công trình nhà giữ ngựa hoàng gia (các toà nhà của Ô phố bảo tàng hiện nay được xây dựng theo kiểu nhà giữ ngựa) được bắt đầu từ đầu thế kỷ XVIII. Năm 1713 Vua Karl VI chỉ thị xây dựng các công trình này ở bên ngoài ranh giới nội thị. Người thiết kế công trình là Johann Bernhard Fischer von Erlach - một kiến trúc sư nổi tiếng với các kiệt tác theo phong cách Barôc như cung điện Schonbrunn và nhà thờ Karlskirche. Nhà giữ ngựa hoàng gia đã được bảo tồn trong dạng thức truyền thống của nó như phần trung tâm nổi bật bởi sự nhô cao của các hình khối, mái

nhà màu boocđô tươi, các nhóm tượng đầu ngựa. Nhìn chung, từ tổ hợp công trình toát lên sức mạnh vững chắc của đế chế.

Giữa thế kỷ 19 tại đây được bổ sung thêm một số công trình: Bảo tàng lịch sử nghệ thuật, Bảo tàng lịch sử thiên nhiên, công viên trên quảng trường, dinh thự mùa đông của Hoàng đế Hofburg (Hofburg Imperial Palace) và toà nhà lớn Neue Burg.

Chiến tranh Thế giới thứ nhất, sự tan rã của đế chế Áo - Hung và các sự kiện diễn ra sau đó đã không được thể hiện một cách hợp lý nhất trên quần thể các công trình này, chẳng hạn nhiều thập niên sau đó quần thể không được trông nom, bị bỏ hoang, phần lớn các vật trang trí bị đem bán đấu giá thậm chí thất tán. Năm 1921 lần đầu tiên quần thể được sử dụng làm không gian trưng bày và năm 1985 Chính phủ Áo đã xem xét sự cần thiết phục chế quần thể công trình độc đáo này. Việc bảo tồn nhà giữ ngựa hoàng gia ở dạng ban đầu rất cần thiết bởi đó là một phần lịch sử của thành phố, góp phần hình thành nên một trong những nơi đẹp nhất của thành phố Viên. Nhiều phương án chức năng khác nhau được đề xuất cho khu vực như xây dựng tổ hợp khách sạn hay trung tâm thương mại - giải trí,... Cuối cùng việc xây dựng bảo tàng đã được quyết định. Tham dự đấu thầu có trên 80 Cty. Thắng thầu là Cty Áo "Ortner&Ortner" mà hướng hoạt động chủ yếu là lắp đặt hệ thống thiết bị cho môn nghệ thuật dân gian hiện đại (Pop art) và soạn thảo các khái niệm mới về đô thị hoá. Sau khi được phê duyệt dự án đã gặp khó khăn khi triển khai thực hiện do ý tưởng xây dựng công trình phòng đọc sách dạng toà tháp cao 70 mét làm dấy lên cuộc tranh cãi nghiêm túc lôi cuốn cả sự tham gia của cộng đồng dân cư và các kiến trúc sư. Cuối cùng dự án đã được điều chỉnh với việc xây tháp được bãi bỏ.

Quần thể công trình tọa lạc trên một khu vực rộng lớn ngay tại trung tâm thành phố Viên. Để tạo ra các khu vực trưng bày cần phải cải tạo toàn bộ cấu trúc của tổ hợp công trình, đương



*Công trình Bảo tàng Lịch sử tự nhiên*

nhiên bao hàm cả việc xem xét các yêu cầu mang tính hiện đại đối với các toà nhà của bảo tàng như kết cấu hạ tầng, dịch vụ và nhiều yếu tố khác.

Sau 3 năm tại Ô phố bảo tàng đã xuất hiện thêm các toà nhà mới là Bảo tàng nghệ thuật hiện đại, Bảo tàng Leopold và Kunsthalie được xây dựng theo phong cách hiện đại và ẩn phía đằng sau các bức tường cổ.

Ngoài 3 toà nhà chính, bên trong tổ hợp cổ kính có xưởng chế tác, cửa hàng, quán cà phê, Bảo tàng thiếu nhi, Bảo tàng thuốc lá, Trung tâm kiến trúc và nhiều công trình khác. Ô phố là nơi làm việc của trên 40 tổ chức khác nhau. Các kiến trúc sư đã thực hiện rất tốt việc trang bị tiện nghi không gian bên trong phía trước bảo tàng. Không gian này được bao bọc bởi các bức tường theo kiến trúc Barôc và mặc dù có đặc tính tính phòng nhưng rất tiện nghi. Cũng không thể gọi không gian đó là quảng trường do tại đây không có trung tâm bố cục và được đặt những chiếc ghế băng bằng nhựa có màu sắc tươi tắn, không theo trật tự mà trên đó các khách thăm quan ngồi nghỉ, chơi trò chơi thậm chí phơi nắng. Khu vực này rất đông người vào cả ban ngày và ban đêm. Ngoài ra, không gian còn được sử dụng như sân khấu nhà hát (tổ chức lễ hội, một số cuộc thi và trình diễn các vở kịch); không gian còn có thể được biến đổi nhằm tạo ra không gian mới. Bảo tàng nghệ thuật hiện đại thực chất là biểu tượng kiến trúc



của thời đại có được tính hấp dẫn nhờ các ý tưởng mạnh mẽ. Lưu ý rằng người Áo luôn thể hiện thái độ tương đối thận trọng đối với kiến trúc hiện đại để gây tai tiếng. Do vậy không có gì đáng ngạc nhiên trước việc mặc dù mới mẻ nhưng Bảo tàng vẫn được gắn vào cảnh quan thành phố một cách bình yên và xứng đáng. Toà nhà to lớn 8 tầng có hình dáng không cân đối và được uốn cong chút ít, tường được ốp gạch bazan màu tro xám. Các cửa sổ được bố trí thưa, cửa sổ có hình dáng thon hẹp trông tựa như những cái khe, giúp phát huy tác dụng tăng cường hiệu ứng hoành tráng. Một cầu thang rộng dẫn khách thăm quan lên tầng trên nơi đặt lối vào, cao hơn nhiều so với mặt đất. Mặc dù công trình có ngôn ngữ ngắn gọn và được tiểu hình hoá tuy nhiên nó vẫn thu hút được sự quan sát và giữ được sự chú ý trong suốt thời gian lưu lại tại đây.

Nội thất bảo tàng hàm chứa nhiều nội dung kỹ thuật theo đó giếng thang máy chạy dọc theo suốt chiều cao toà nhà tương tự như xương sống duy trì sự cân bằng của toàn bộ toà nhà. Từ giếng thang máy toả ra các gian trưng bày và bên trên giếng có cửa kính lấy ánh sáng mặt trời mà thực chất đây là nguồn sáng ban ngày duy nhất. Bảo tàng hầu như không có cửa sổ mở ra bên ngoài cho thấy dường như nghệ thuật hiện đại về lắp đặt hoặc nghệ thuật trình diễn hiện đại không cần đến ánh sáng. Viên ngọc của tổ hợp là Bảo tàng Leopold - là một trong những bảo tàng nổi tiếng nhất thế giới có bộ sưu tập rất phong phú các tác phẩm nghệ thuật cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20. Khác với Bảo tàng nghệ thuật hiện đại, Bảo tàng Leopold màu trắng, trông nhẹ nhàng và mang hình dáng cân đối một cách có chủ ý. Một gian phòng bọc kính dài 250 mét quy tụ xung quanh nó các gian trưng bày. Lối vào Bảo tàng được nhấn mạnh bởi cầu thang. Và có lẽ đây cũng là yếu tố chung duy nhất giữa Bảo tàng này với Bảo tàng nghệ thuật hiện đại. Bảo tàng Leopold trưng bày chủ yếu các tác phẩm hội họa và nghệ thuật cổ điển; kiến trúc không



Ô phố bảo tàng nhìn từ trên cao

gian nội thất trầm tĩnh và đậm đặc; môi gian trưng bày đều được chiếu sáng tự nhiên; các bức tranh được bố trí theo cách truyền thống và việc xem tranh được thực hiện qua sự di chuyển có hướng.

Cuối cùng phải kể đến Bảo tàng Kunsthalle. Phòng dạ hội của nó là một sân khấu che kín bảo tàng với những cánh gà hết sức độc đáo. Sân khấu còn có một tên thứ hai là sân khách. Đây là nơi tiến hành các cuộc thi chọn, trình diễn, dạ hội. Nếu khách thăm quan đi vào sân này hoặc đi về phía tổ hợp công trình từ phố Nybau thì sẽ nhìn thấy những bức tường xây gạch màu đỏ tươi của Bảo tàng Kunsthalle, lúc này công trình trông như một nhà máy thậm chí một nhà máy đã bị “bỏ không” được đặt vào Ô phố bảo tàng một cách tình cờ. Đây phải chăng là một hay một giải pháp miễn cưỡng đối với các nhà thiết kế ?

Nét đặc biệt của từng toà nhà và của cả Ô phố bảo tàng nói chung là ở chỗ các kiến trúc sư hoàn toàn không định ra lộ trình của khách thăm quan. Kinh nghiệm tích lũy được về thiết kế và xây dựng bảo tàng giúp đưa ra một quy tắc thống nhất là tính kịch bản chặt chẽ. Tại đây mỗi khách thăm quan được tự mình tự do lựa chọn đường di chuyển và trình tự xem các vật trưng bày.

Thêm một nét đặc trưng khác của thiết kế là quy hoạch mang tính truyền thống. Bên trong bảo tàng các kiến trúc sư chỉ bố trí các phòng trưng bày và phòng lưu giữ bảo quản, còn phần

lớn các phòng phụ như quán cà phê, cửa hàng, xưởng chế tác, phòng thuyết trình đều được bố trí tại khu vực quảng trường và bên trong các toà nhà cổ xây dựng vào thời Vua Karl VI. Nếu từ giữa thế kỷ trước bảo tàng được xây dựng chủ yếu theo hướng nhiều công năng trong đó bố trí cả các quán cà phê, cửa hàng, kiốt bán đồ lưu niệm, nghĩa là tất cả những sản phẩm thể hiện cho nhu cầu của các dịch vụ du lịch, thì nay với các mục tiêu thực dụng thậm chí đến mỗi m<sup>2</sup> sàn trưng bày cũng không còn được chia sẻ cho các công năng đó nữa. Tại Bảo tàng nghệ thuật hiện đại, cửa hàng được bố trí bên dưới chiếc cầu thang rộng, tại Bảo tàng Leopold - quán cà phê được bố trí bên trong eo đất hẹp bọc kính liền kề Bảo tàng Kunsthalles. Phần lớn các công trình dịch vụ đều được bố trí ra phía ngoài đường phố tại khu vực quảng trường nơi các hoạt động diễn ra sôi động.

Việc tổ chức không gian - chức năng cho phép tập trung các loại hình dịch vụ đào tạo, học tập và thông tin vào một khu vực riêng của tổ hợp. Quần thể các nhà giữ ngựa cũ không thay đổi về mặt ngoài tuy nhiên toàn bộ không gian bên trong đã được cải tạo. Nay quần thể công trình trên bao gồm các phòng thuyết trình, phòng hội nghị, phòng truy cập Internet và câu lạc bộ, xưởng vẽ và xưởng nghệ thuật nhà hát. Điều đó cho thấy, việc tạo ra một khu vực văn hoá trong Ô phố bảo tàng đã giải quyết được đồng thời cả 2 vấn đề: Các không gian của nhà bảo tàng chỉ phục vụ việc trưng bày còn tất cả các không gian cần thiết khác lại được bố trí ngay bên cạnh (đúng hơn là dọc theo chu vi của quần thể bảo tàng). Do vậy, các toà nhà bảo tàng trực tiếp thực hiện công năng trưng bày trong khi đó tổ hợp lại được trang bị đầy đủ tất cả các loại công trình phục vụ cho khách tham quan và nhân viên.

Thêm vào đó, một phần đất vẫn còn để trống hoặc chưa đến lượt xây dựng. Về cả hai phía của tổ hợp có các sân vườn bên trong kích thước không lớn chưa được sử dụng. Sự cần thiết mở rộng khu vực bảo tàng thường dẫn các



Lối vào của Bảo tàng

kiến trúc sư đến giải pháp phủ kín các sân này, tuy nhiên cho đến nay việc phủ kín vẫn chưa diễn ra do đó chỉ thực hiện công năng của công trình phụ và không ảnh hưởng đến sự thụ cảm bộ mặt kiến trúc của Ô phố bảo tàng.

Khác với Bảo tàng Luvơ (Pháp), Ô phố bảo tàng ở thành phố Viên thuộc sở hữu của nhà nước, mà thay mặt cho nhà nước là chính quyền thành phố đã đặt mức giá cho thuê thấp. Điều đó có nghĩa đây là một dự án không mang tính kinh doanh.

Sự hình thành tổ hợp tạo điều kiện cho việc hình thành ngay bên cạnh nó một “không gian văn hoá” bao gồm ga tàu điện ngầm cùng tên, các khách sạn “Bảo tàng” và “Nghệ thuật Viên”, tên gọi của các đường phố và quảng trường. Tất cả những điều đó nói lên tầm quan trọng của địa điểm này.

Dự án Ô phố bảo tàng là một ví dụ về sự thành công trong giải quyết các vấn đề tu bổ, văn hoá và kinh tế. Ô phố bảo tàng hướng tới các đối tượng khách tham quan khác nhau mà mỗi người có thể tìm thấy ở đây cái gì đó có ý nghĩa với họ. Ngay năm đầu tiên khai trương Ô phố bảo tàng đã đón trên 3 triệu lượt khách đến thăm quan.

**E. V. Ermolyenko**

*Nguồn: Tạp chí Kiến trúc và xây dựng*

*Matxcova, số 1/2010*

**Dịch và biên tập: Huỳnh Phước**

# CÔNG TY CP LICOGI 18 KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY THÀNH LẬP VÀ ĐÓN NHẬN HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG NHẤT

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2011



Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Đức Kiên phát biểu tại buổi Lễ



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân trao Huân chương Lao động cho lãnh đạo của Cty Licogi 18